

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ nhiệm: Nguyễn-năng-Quốc

Chủnh hội trưởng hội Phật-giáo

Quản-ly: Cung-dinh-Bình

Chủnh chủ-bút: Phan-chung-Thứ

Sư cụ chùa Bằng-Số

Phó chủ-bút: Dương-văn-Hiền

Sư cụ chùa Tế-Cải

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

QUI TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VI
CÔNG ĐỨC ĐÃ CUNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA
TRUNG-ƯƠNG

Mme Bành bồi-Chương née Trịnh thị Tâm	Haiphong 100\$00
M. Đỗ huy Tiến, 72 Amiral Courbet Haiphong	10.00
Mme Dubos, née Vũ-thị-Minh 6 Beaumont	Haiphong 30.00
M. Bùi-văn Sinh dit Đồng-An, 210 Hàng kênh	Haiphong 10.00
M. Bùi Đức Long, 62 O'dendhal Haiphong	5.00
M. Cao hữu-Chính dit Đức-sinh-Long Haiphong	5.00
M. Nguyễn-văn-Diêm, Thượng bang phán sự	Kho bạc hưu trí, ngõ Hảihong Haiphong 5.00
Mme Cát hanh Long, 73 Paul Doumer Haiphong	10.00
Mme Nguyễn văn Nam, Đền Ngê Haiphong	5.00
M. Phúc Lai Photo, 98bis Bonnal Haiphong	5.00
M. Thanh-Hải, 91 Bonnal Haiphong	2.00
M. Trần văn Ninh, 237 Pétain Haiphong	2.00
M. Lê văn Khanh tức Quang-An, 35, d'Od'Endhal	Haiphong 1.00
M. Hoàng văn Minh, 57 Rue de Metz Haiphong	1.00
M. Nguyễn văn Chung di Thuận lợi, 205 Rue	de la Marine Haiphong 2.00
M. Tô văn Lượng, 45, Rue Arsenal Haiphong	5.00
M. Phạm tài Luyện, Rue d'Od'Endhal Haiphong	5.00
M. Đặng văn Phong, 8 Rue de Metz Haiphong	1.00
M. Nguyễn văn Thịnh, 12bis Cité Saïd	5.00
M. Nguyễn tử Văn, 128 Strasbourg Haiphong	1.00
M. Hoàng công Ngọc, 61 Abattoire Haiphong	10.00
M. Nguyễn Sơn Hà, 71 Amiral Courbet Haiphong	10.00
M. Ly Louen, 123 Rue d'Od'Endhal Haiphong	2.00
M. Tô phương Tập, 141 Paul Doumer Haiphong	2.00
M. Đặng đình Chấn, 16 Route Lạch tray Haiphong	1.00
M. Võ văn Thụy, 12bis Route Lạch viên Haiphong	1.00
M. Nguyễn thư Phụng, 15bis Maréchal Pétain	1.00
Mme Phùng thị Nguyệt, 38 Strasbourg Haiphong	5.00

(còn nữa)

XÃ HỘI PHẬT - GIÁO

Xã-hội Phật-giáo nghĩa là đạo Phật chính là một đạo về Tinh-cách Xã-hội, là cái tinh cách chủ-trọng về cõi thực-lẽ giữa đời người.

Thế nào là đạo Phật chính là một đạo về tinh cách xã-hội ?

Muốn hiểu cho đích-xác cái nghĩa ấy, trước hết ta phải tìm vào trong những sự phản chiếu bởi thời đại, bởi đất nước bởi lòng mẫu thể của đấng Giáo-chủ đạo Phật là Đức Thích-ca. Tìm vào Ngài, ta nhìn nhân xem cho biết rằng : Ngài sở dĩ lập nên đạo Phật là bởi những nhân-duyên gì ? Mục đích đạo Phật của Ngài là ở chỗ nào ? Phép nhìn nhân đạo-lý như thế đó mới thấy được chỗ căn bản chính chân của đạo lý-mà không bị sa ngã vào cái vực bông-lông.

Phép ấy nhà khoa-học ngày nay gọi là phép biện chứng mà trong Phật-học gọi là phép nhân minh vậy.

Nếu không như thế mà đã bị lạc vào cái vực bông-lông thì ta có lòng thành học đạo, tu đạo và hành đạo, nó cũng đều là cái đạo sai-lầm cả.

Đạo đã sai lầm, không những không bỏ ích gì cho ta và cho ai, mà phản thành ra ta là kẻ ngu ngốc, mình tự lừa dối mình và lừa dối lấy cả cho kẻ khác mà mình vẫn không tự biết. Như thế ta tuy là kẻ mộ đạo mà chính ta lại là kẻ làm hại đạo.

Ta phải biết rằng trong kinh sách của đạo Phật rất nhiều mà cũng nhiều chỗ bởi người sau hay là ngoại đạo mượn danh-hiệu Phật mà « đánh lộn sòng » vào. Cho nên trong phép Phật-học đã phải dặn rằng : « Tin theo kinh sách lộn nghĩa chứ chẳng tin theo kinh sách nào không lộn nghĩa ».

Kinh sách không lộn nghĩa tức là những kinh sách nói trái với cái mục đích căn bản chân chính của đạo đó.

Ấy cũng vì người đời không biết đem cái phép « biện chứng » hay là phép « nhân minh » mà tìm tòi nhìn nhận cho thấy đích xác chỗ căn-bản chân chính về mục-dịch của đạo, mà thành ra bấy lâu nay, người ta đã khoác vào cho đạo Phật bao nhiêu lần áo của ngoại đạo sai lầm, trái ngược với cái tính cách bản-lai quang-minh, mỹ-bị, là cái tính cách xã hội của đạo Phật di. Từ là cái tính cách chú trọng về thực tế giữa đời người. Những lần áo ngoại đạo ấy, đơn cử như hai điều là lối tu vị-kỷ và tục vàng mã, hoa đàn, cầu cúng.

Lối tu vị-kỷ là của phái Bà-la-môn bên Ấn-độ. Sinh ra ở đời, ai khỏi mang-vương tinh-nghĩa với đời, đến con ong cái kiến nó cũng còn phải vì đàn vì tổ mà vất vả xuất dùi đi tha mồi và xây tầng đào lỗ, nữa là người, thế mà một phái Bà-la-môn trốn đời lánh tục, cầu giải thoát lấy một thân mình thì thực là vô tình và bạc-nghĩa. Còn những tục đốt vàng mã, bày hoa đàn và cúng bái Phật thần để cầu phúc tránh tội là những hủ tục của người ta bịa đặt ra, khiến cho trong đạo Phật phủ đầy những sự giả-dối, hí tiếu, si mê, cho những chính giác, những chân lý trong đạo Phật, cho cái chỗ mục đích căn bản chân chính của đức Giáo-tổ Thích-ca không tỏ rạng ra được, cho cái cõi nhân sinh không được tiếp thừa hưởng những công đức của Đức Thích-ca Ngài đã hết lòng vì mãi chúng sinh mà tìm phương cứu vớt bấy nay. Thực là đáng tiếc.

Cứ hai điều vị-kỷ và giả dối trên ấy thì còn có cái gì là quan hệ mật thiết với cõi đời này, còn có tính cách gì dính giáng với cõi hiện thực này Ấy thế mà đem khoác vào cho đạo Phật, đem diễn-giáo ra giữa Xã-hội loài người là cái xã hội phải sống còn, phải làm ăn phấn đấu, muốn thoát không chỗ nào thoát

được, thì có ích hay là có hại. Cũng vì thế mà ngày xưa trong nhà Nho, ngày nay trong phái tân học, người nào chưa được biết đến cái tính cách căn bản, chỗ mục đích chân chính của đạo Phật bởi Đức Thích-ca dựng nên, mà người ta thấy hai cái tệ tu vi-kỷ và tục giả dối trên ấy ở trong đạo Phật thì người ta cơ hiềm là đáng lắm. Nhất là đang cái lúc cần phải cứu vớt cho quần chúng như hiện giờ thì người ta lại càng kiêng kỵ đạo Phật lắm.

Vậy thì bây giờ, như trên kia tôi đã nói, ta phải tìm vào trong những sự phản chiếu bởi thời đại, bởi đất nước, bởi lòng lân mẫn chúng sinh của Đức Thích-ca. Ta nhìn nhận lấy bởi những nhân duyên gì mà Ngài lập nên đạo Phật, mục đích của đạo là ở chỗ nào, thì ta quyết định ngay được cái tính cách chân chính của đạo Phật.

Theo cách đó mà tìm, thì ta thấy đạo Phật là một đạo hoàn toàn phản trái lại đạo Bà-la-môn. Một đạo cải-cách lại hết thấy chế độ, vữa hóa đời bại của xã-hội Ấn-độ bấy giờ. Nghĩa ấy trong bài Phật-giáo tân luận đăng trong báo Đuốc-Tuệ, tôi đã thuật tương, ở đây tôi xin tóm lại làm ba cái nhân duyên lập nên đạo Phật của Đức Thích-ca như sau này :

1. — Nhân duyên thứ nhất. Đức Thích-ca Ngài bẩm tính là một đấng đại nhân-từ. Từ nhỏ Ngài đã cảm thấy cái chế độ phân-biệt loài người làm bốn giai cấp do đạo cũ Bà-la-môn chủ trương mà Ngài lấy làm thương tâm. Bốn cái giai cấp cha truyền con nối ấy, chỉ riêng cho hai, giai cấp trên là nhà quý-tộc và bọn thầy tu Bà-la-môn được chuyên hưởng mọi sự học hành quyền thế, còn hai giai-cấp dưới là bọn công-thương và bọn nông-nô thì phải chịu hèn chịu dốt đời đời. Thực là một cái ác tập bất bình đẳng. Bởi thế nên Ngài thực hành ở ngay trong trường học của Ngài. Đến ông Hoàng là em Ngài xuất gia sau Ngài cũng tất phải kính lễ kẻ con nhà nô-lệ nghề thợ cạo mà hẳn xuất-gia trước. Là Ngài cho rằng người ta cùng chịu

một cái Phật-tính linh minh như nhau thì cùng được hưởng thụ bằng nhau ở trên pháp-luật, trên tinh thần. Ngài bèn lấy nghĩa bình-đẳng làm một nghĩa cốt gốe cho đạo Phật, nhất thiết sự-lý gì cũng lấy bình-đẳng làm tiêu chuẩn. Như thế đạo Phật thực là một đạo trọng bình-đẳng và giải phóng giai cấp cho quần chúng.

2 Nhân duyên thứ hai là cái cách cái tục mê tín. Trong bốn giai-cấp, bọn Bà-la-môn bấy giờ đứng hàng thứ hai. Được chuyên học hành đạo lý, chuyên làm thầy giữ việc giáo hóa, giữ việc lễ tự ở trong nước. Cha truyền con nối đã lâu đời như thế, muốn hơn nhau các thầy Bà-la-môn phân ra nhiều tông phái, đến đời đức Thích-ca có tới hơn 90 tông đạo-giáo mà sách Phật gọi là ngoại đạo. Trong những ngoại đạo ấy có nhiều đạo đặt bày ra làm cách hết sức mê tín. Thuyết ra những lẽ huyền hoặc hoang đường, bày ra những nghi lễ khó khăn phiền toái, cao thì cao quá sức tưởng-tượng mà thấp thấp đến rất đê-hèn, lấy cả loài súc sinh, lễ cả loài đất đá, bùa thiêng phép lạ thuốc tiên, không một thứ kỳ quái gì không tin nếm. Tu luyện thì lấy phản trái với lệ thường sinh hoạt làm công-đức. Đây dọa thân-thê, cõi trần, năm đất, ở bần, nhện dơi nhện khát. Thậm chí như thầy trò ông Ca-diếp trước khi ông chưa qui Phật còn là một thầy Bà-la-môn thì chỉ nằm ở ngoài mả, lấy những cái mảnh áo cái mả mà khoác vào mình.

Đức Thích-ca Ngài thấy những lối tu ấy Ngài cho là mê-trấp, Ngài bèn xướng lên nghĩa chính-giác mà phá trừ những cái tục mê-tín quá đáng ấy đi. Chính-giác là hiểu biết một cái lẽ rất chân-chinh. Đạo chính-giác chỉ nhận trong pháp giới có chân-tính, trong mình ta có chân-tâm. Chân làm với chân tính bala-la, tu là giữ lấy chân tâm mình cho thanh-tịnh rồi thực hành công-đức cứu độ ra cho xã-hội loài người. Bởi thế Ngài thấy một gã con giai ngoại đạo là Thiện-sinh,

sáng nào cũng lễ lạy sáu phương trời thì Ngài dạy cho cậu ta rằng như thế không bằng thực hành lấy sáu phương-diện luân-lý cho đầy đủ. Ngài lại dạy cho môn đồ phải nhớ bốn điều ân đức ở đời mà lo báo đền. Còn sự sinh hoạt thì Ngài cho đệ-tử được tùy-duyên, Còn những nghi-vấn thì cực-giản dị, trong nhà tinh xá chỉ có thầy trò giảng bàn như trong học đường ngày nay mà thôi, không có tượng pháp gì cả. Như thế đạo Phật thực là một đạo trọng thực tế mà không mê tín chút nào.

3 Nhân duyên thứ ba là cải cách lối tu vị kỷ. -- Về phần tu luyện thì các thầy Bà-la-môn đã mê-ia như trên kia, mà về phần tu-chứng thì các thầy ấy giữ cái quan niệm vị-kỷ. Đạo bà-la-môn chán cuộc đời là ô-trọc, việc đời là hệ-lụy, nên các thầy Bà-la-môn lánh xa đời người, tìm vào những nơi hang sâu cảnh vắng, ngồi một mình, luyện một mình cho linh-hồn chóng thoát cái thân nhơ-bẩn ở trần-tục mà sinh về cõi trời nọ kia. Còn chúng sinh nổi trim trong bể khổ không hề đề ý đến nữa, Đức Thích-ca cho cái lối tu như thế là vị-kỷ, có tội lỗi. Cho được phá cái lối tu sai lầm ấy do cái quan niệm bình-đẳng, người với vật đều chung nhau một Phật-tính, Ngài xuống lên đạo phá-độ quần sinh nổi chìm trong bể khổ, không những cái khổ đốt nát, giải-dột mà cả cái khổ về đời rách, ốm đau, oan ức nữa. Bởi vậy trong đạo cứu khổ phải cứu cái khổ về tinh thần lại phải cứu cái khổ về thân thể cho chúng-sinh nữa. Cho nên Đức Thích-ca Ngài rất ân cần thuyết pháp về luật giới sát sinh trong ngũ giới về đạo đại nguyện như kinh Dược-sur, và về phép bố-thí như môn lục-độ. Ngài cho rằng có làm được việc phá-độ mới là có công đức. Như thế đạo Phật thực là một đạo sùng-đáng với cái nghĩa cứu-thế.

Nhận rõ ba chứng-cớ như trên, ta thấy đạo Phật có ba cái tinh cách là trọng bình-đẳng để giải-phóng cho

quần chúng, quý thực tế không mê-tiêu, thực-hành cứu tế cả phần thân-thể và phần tâm-thần. Vậy thì a quyết định rằng đạo Phật thực có cái tính cách Xã-hội và mục-dịch của đạo Phật là ở chỗ phá độ quần sinh, không phân biệt loài giống.

Cứ ba cái tính cách lớn về xã-hội của đạo Phật mà ta nhìn-nhận ra đã có xác-cứ và nhất trí như trên ấy, thì từ nay phạm cái quan-niệm nào, cái ý nghĩa nào mà phản-trái với ba cái tính-cách trên ấy, ta cho là cái gì ngoài hẳn vào chứ không phải là đạo Phật. Vì đạo Phật, Đức Thích-ca có thuyết pháp về cõi pháp giới bao la cực rộng, khám phá cái lẽ vô thường trong vũ trụ, cái lẽ sắc không không sắc của vật-lý, nhưng thực thì vẫn lấy xã hội nhân sinh làm chỗ lập trường tu-tiến của người ta.

Đã nhìn nhận một cách có chứng cứ, xác-thực như thế, đạo Phật thực có cái vinh-diệu đáng tuyên bố lớn lên ở giữa cái đời văn minh của chủ nghĩa xã-hội này rằng : tính cách căn bản chân chính của đạo Phật do chính Đức Thích-ca lập lên là cái tính cách xã hội. Như vậy từ nay đối với người trong đạo Phật cũng như đối với người ngoài, nếu có ai ngờ đạo Phật là tư tưởng trốn đời thì ta giả lời ngay rằng tư-tưởng trốn đời là của Bà-la-môn, đạo Phật lo giải phóng quần chúng thì đạo Phật không phải là trốn đời.

Có ai ngờ đạo Phật là mê-tiêu thì ta giả lời ngay rằng : mê-tiêu là của Bà-la-môn, đạo Phật trọng chính giác thì đạo Phật không mê-tiêu.

Có ai ngờ đạo Phật hay vị kỷ thoát thân thì ta giả lời ngay rằng : vị kỷ thoát thân là lối của Bà-la-môn, đạo Phật phá độ quần sinh cả phần thân thể và phần tâm hồn thì đạo Phật không vị-kỷ thoát thân. — Vậy thì đạo Phật chính là một đạo xã hội,

Muốn cho giáo hóa củ Đức Thích ca được hiện-thực ra

ở đời này, ta không những nói mà ta cần phải thực-hành những tính cách xã hội ấy ra.

1. Phải công kích bài trừ cái tư tưởng trốn đời, lấy đạo bình đẳng mà tự xử và khuyên nhau giải phóng cho kẻ khác - Cha mẹ nên khoan hồng đối với dầu con, chủ nhà nên thề tất cho kẻ đầy người ở trong nhà, chủ nợ nên lượng tình cho kẻ có nợ, nghiệp chủ nên phân hậu phần lợi tức vào công xá cho thợ thuyền, cu-li trong siêng, quan trường nên công tắng với nhân dân trong hạt, suy rộng ra cho đến quốc tế giao thông, đều lấy cái nghĩa bình đẳng mà đối đãi nhau. « Lòng vả như thề lòng sung, một trăm con lợn cũng chung một lòng ». Lòng mình muốn gì thì lòng người ta cũng muốn thế, vì người ta cũng đều có cái Phật tính như mình cả. Đừng có sự nâng cái địa vị mình lên đến giới mà đim cái địa vị người ta xuống đất đen.

Phải phù trì cho chân lý chính giác mà công kích bài trừ những mối dị đoan mê tín không có nghĩa lý gì. Đã hiểu vàng mã là do cái hủ tục của Tàu như trong Đuốc-tuệ đã nói nhiều lần, thì phải tự mình bỏ trước cho người khác theo. Lại như với cái bệnh ouden, không biết giữ vệ sinh cách ăn ở, rồi cứ theo tục đến đầu hè, (sắp đến đây) thì đua nhau làm voi nan ngựa giấy mở đàn cúng tiễn « Quan ôn », lại thỉnh Phật thờ ở trên đàn thượng. Thế ra Phật cũng dự biết sự « Quan-ôn » bắt người cách vô lý, đã không bênh được mà Phật lại cũng về đàn tiễn thông đồng với « Quan ôn » mà ấu lễ hỏi lộ hay sao. Chỗ đàn cúng « Quan ôn » nào lại còn làm đàn mông sơn, gọi đồ giáo ngựa và phá ngục nữa, thì còn có nghĩa lý gì. Đã tin có Trời hay là Phật chủ trương muốn việc họa phúc ở thế gian, thì sao lại còn tin có « Quan ôn » làm sự tàn ngược ấy. Thế ra « quan ôn » là giặc mà Trời, Phật không làm gì được dư. Ấy sự mê tín đặt bày nó mâu thuẫn nhau như thế nhiều lắm, không bỏ đi không được. Còn đến những tục phong

thủy hỏa số, bùa thiêng, thuốc thánh, phép tiên, đều có hại cho sự thực, đều nên trừ bỏ đi hết, Chỉ có chân lý thực sự mới hợp với đạo Phật mà thôi.

3. Phải công kích bài trừ cái lối tu vị kỷ cầu thoát thân mà thực hành công đức phả độ cho quần chúng. Người xuất gia cũng như người tại gia, trong lo giữ toàn lấy chân tâm chân tính của mình, ngoài lo làm việc tế độ cho kẻ khác về thân thể cũng như về tâm-hồn, Theo sức mình mà làm, do cá nhân đến đoàn thể. Từ một đồng tiền, một bát gạo, một bát cơm, một manh áo, bởi lòng thành cũng là công đức. Một điều khôn ngoan, một lời khuyên giải cũng là công đức. Rên một người bị ức, cứu một người bị nạn, cũng là công đức. Có công đức chân thực mới là tin đồ của Phật mới mong có phúc báo về sau chứ không phải chỉ một việc đi lễ, chằm tụng niệm mà đã là biết tin đạo Phật đâu, đã có công đức đâu

Đã nhìn nhận đích-xác ba cái tính cách xã hội của đạo Phật như thế thì cần phải đem ba tính-cách căn bản ấy mà tuyên-dương, thực hành ra giữa xã-hội. Tôi mong có một nghị-kia ba tính cách căn-bản của đạo Phật ấy được công-khai ra giữa xã-hội đại-dồng thể giới làm một khoa luân lý học phổ thông cho hết thảy loài người.

Ng. tr Thuật

Giải đáp những câu hỏi của một vị độc báo Đuộc-Tuệ.

Ông Lê-văn-Tấn ở Long-xuyên (Nam-kỳ) có thư hỏi năm câu :

- 1) Cái chi sinh ra vô-minh ?
- 2) Khi tụng kinh rồi, kể bỏ khuyết « Tâm-Kinh » là ý chi vậy, có bổ ích gì cho việc tụng và học đạo chăng ?

3) Cúng kiến hay thấp nhang, và khi nguyện hương thời dùng ba cây hương. Có kẻ ngoại đạo hỏi vậy chớ « Chỗ gốc tích nhang từ đời nào, ai bày ra, người ta cần biết cái nguyên nhân ấy và vị nào chế đặt ra ». Câu thứ ba này làm khó dễ cho các người học Phật rất nhiều, nếu trả lời không xuôi.

4) Kinh Địa-tạng tụng có siêu đặng các vong hồn chạng, và có câu nói : « Một người tu thành đạo, cứu huyền đặng siêu thăng ». Sao trong « Vu lan-Bồn », đưc hạnh như ngài Mục-kiền-Liên đã chứng đạo rồi, mà tự mình khó cứu vớt vong hồn của mẹ. Đến như Mục-kiền-Liên còn thế, phương chi chúng tôi ở đời mặt-pháp này, đưc mỏng tội dày, thế nào mà cứu vớt nổi cứu huyền. Câu thứ tư này tôi lấy làm nghi hoặc lắm Phi bực trí tuệ như quý ngài, thì chúng tôi kẻ còn mờ ám, không sao rõ đặng mấy câu nghi vấn ấy.

5) Còn người tự đâu đến, đến để làm gì, rồi đến giờ cuối cùng sẽ đi về đâu ?

Những câu hỏi này đều là yếu-nghĩa trong đạo Phật, chỉ có các bậc cao minh mới giải thích đưc rõ ràng. Chúng tôi không dám tự - mãn, chỉ lấy lòng thành-thực, đem chỗ thiền-kiến mà giải bày ; còn đầu khuyết điếm, giám xin lượng thứ và bỏ chình.

1 và 5 — Câu thứ nhất và thứ năm, sẽ giải đáp làm một.

2 — Câu thứ hai. Đem hương hoa, lễ vật, ván ván, dâng cúng chư Phật, gọi là « Tài cúng dàng » tụng kinh là đem thân-khẩu, ý, mà tụng những lời giáo-huấn của Phật, để cho tất cả pháp-giới cùng nghe, cùng lợi ích ; như thế gọi là « Pháp cúng dàng », nghĩa là đem phép Phật cúng dàng cả thập phương pháp giới. Nhưng mà toàn thể phép Phật ở trong

mười hai bộ kinh, có tới mấy mươi vạn quyển, chẳng ai tụng được hết, tụng được bộ này, thiếu bộ kia. Cho được đầy đủ hoàn toàn, các vị cõ-đức dùng quyển **Bát-nhã tâm kinh**, gọi là kinh bồ khuyết, nghĩa là kinh này có thể bồi bổ chỗ còn thiếu khuyết, trong khi tụng niệm Kinh này chỉ có 260 chữ mà là cốt tủy tinh hoa rút ở trong mười hai bộ kinh ra. Kinh Phật dạy nhiều, nhưng cũng chỉ cốt dạy cho chúng sinh nhận lấy cái tri quang bát-nhã của mình mà thôi. Trừ bỏ bát-nhã ra, thì chẳng có chi là Phật pháp. Người học đạo hiểu cho thấu triệt tất cả 260 chữ trong Tâm-kinh, tức là đã suốt hết yếu-nghĩa trong 12 bộ kinh rồi.

3-) Thấp nhang cúng, từ đời thượng cổ, trước khi Phát ra đời, các dân tộc, các tôn-giáo đều có cả. Những nơi chẳng biết chi là đạo Phật, họ cũng biết thấp nhang cúng khấn trời đất, thánh thần liên-lễ. Cả đến dân Hán, Mèo, Mường, Mọi, họ cũng biết dùng nhang cúng vái ma rừng, ma só, ma gà. Còn ở nước Tàu; thì những nhà danh giá thường đốt hương ở trong thềm khuê, tĩnh thất, thư trai; khi họ tụng Thi, đọc Dịch, đánh đàn đều có đốt hương cả.

Nay hỏi ai bày ra nhang, từ đời nào, thì nên hỏi các nhà khảo cổ. Song cũng không lấy chi làm bằng cứ sức thực, bởi vì tôn-giáo nào, dân tộc nào cũng có một cổ-tích lý kỳ nói về ông thánh của mình đã bày ra nó. Nó là câu chuyện rất làm thương, người học Phật tưởng không cần giới ý.

Nay tôi chỉ nói qua về cái nguyên-nhân của đệ-lữ Phật dùng hương cúng Phật mà thôi. Kinh Biên-ngu chép rằng: Khi Phật ở thành Xá-vệ, có một người con ông trưởng-giả, tên Phú-kỳ Ma theo Phật tu thành A-la-hán. Ông trưởng-giả ấy làm một cái nhà Chiến-đàn để riêng thỉnh Phật. (Chiến-đàn là một thứ cây thơm nhất ở Ấn-độ, lấy một tý bằng đầu

ngón tay đốt lên, mùi thơm bay khắp trong vùng bốn mươi dặm) mỗi khi muốn thỉnh Phật ngài đến ở nhà Chiền-dàn, trưởng-giả cùng với các con, mỗi người tay cầm một cái lư đốt hương Chiền-dàn. lên lầu cao, trông về nơi Phật ở mà khấn nguyện. Phật liền cùng các vị Tỷ-kheo giảng làm tại nhà Chiền-dàn của trưởng-giả. Bởi thế cho nên gọi hương thơm là sử giả của Phật, nghĩa là hương thơm có cái công năng dẫn được tin tâm của đệ-tử đến với tâm của Phật. Vì trưởng-giả hay đốt hương ở lư mà thỉnh Phật giảng làm, cho nên ta nay có câu « Lư nhang sạ nhiệt, pháp giới mộng huân, chư Phật hải hội tất đao văn v.v. ». Về sau người ta bày ra thắp ba cây, hay là năm cây, chín cây là tùy theo lễ tục. Kinh Phật không thấy nói nhang cây thắp ở bình, chỉ thấy nói nhang đốt ở lư, tức là thiêu hương, lại còn có cả đồ hương, mặt hương, hoàn hương, nhiều thứ nữa.

Vậy thời sự đốt hương chỉ là một lễ nghi của người mới phát tâm cầu đạo bày ra, để biểu thị tâm lòng tịnh tin mà thôi. Đến như người học đạo đã hiểu rõ chánh pháp rồi, thì có nhang, hay không có, cũng chẳng cần thiết; bởi vì tâm lòng tịnh tin đã thành tựu rồi, thì trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc ở nhà, hoặc ở chùa, hoặc ở nơi lữ thứ, ta đều có thể dùng năm phần tâm hương của ta có sẵn mà cúng Phật và niệm Phật luôn luôn. Lúc nào tâm của ta cũng thấu đến tâm của Phật, thì tâm Phật tất phải thấu lẫn với tâm ta; hai tâm đã dung hòa với nhau như một, thì bao nhiêu mùi thơm ánh sáng trong tâm Phật phải hòa lẫn cả với tâm ta, thành ra cả hai cái tâm cùng thơm tho sáng suốt với nhau như một. Thế gọi là phép « hương quang trang nghiêm tam muội » (năm phần tâm hương, tức pháp thân hương, là giới hương, định

hương, tuệ hương, giải thoát hương và giải thoát tri kiến hương).

4) Hễ thấy rõ nhân nhân-địa của ngài Mục-kiền-Liên tôn giả và của ngài Địa-tạng bồ tát, liền thấy rõ quả địa của hai ngài khác nhau, không còn hồ nghi gì nữa Nhân địa của Mục-kiền-Liên tôn giả là tiêu thừa chỉ độ được một mình, nhân-địa của Địa-tạng bồ tát là đại-thừa mới độ được cả cha mẹ cứu huyện và lục đạo chúng sinh. Mục-kiền-Liên tôn giả vốn trước là người học đạo Bà-la-môn, đã có thần thông, sau quy y Phật, chứng ngôi A-la-hán, đầu là một đại đệ tử của Phật, song ngài vẫn tự nhận là một người Thanh-văn tiêu thừa Nhân địa là tự độ, mà lại muốn độ tha lẽ tất nhiên là không có hiệu quả, cho nên tôn-giả không cứu được bà mẫu thân. Tiêu-thừa chỉ phát tâm học đạo cầu giải thoát sinh tử cho một thân mình mà thôi, chưa từng phát đại bồ-đề tâm, cũng đang chừ Phật, bá thí chúng sinh, để giải thoát cho quần chúng, cho nên không cứu được ai cả. Phật thừa cơ hội ấy, mà nói ra kinh Vu-lan-Bồn, để phát khởi tâm lòng đại bồ đề cho các ông Thanh-văn đệ tử, nghĩa là bảo các ông ấy phải phát tâm bá thí độ tha, thì mới phải độ được cứu huyện và lục đạo chúng sinh. Địa tạng bồ tát vốn trước là một cô con gái Bà la môn. Mẹ đẻ ra cô không tin thuyết nhân quả của Phật, chỉ tin theo đạo tà ma thần quỷ, làm nhiều tội ác. Có khuyên mãi không được, khi mẹ cô chết đi, cô biết rằng thế nào cũng phải xuống địa ngục, cô liền bán cửa nhà, để mua hoa hương cúng Phật và bá thí cho chúng sinh. Tấm lòng đại bồ đề độ tha (chỉ hiểu chỉ nhân) đã lên đến cực điểm, chỉ mong độ thoát cho mẹ, mà không thiết gì đến thân thể, nhà cửa, ruộng nương; cho nên Vô-độc quý vương báo cho cô biết rằng, ngay ngày hôm nay cô phát tâm cúng

dàng bố thí, phát nguyện độ tha ấy, thì mẹ của cô đã thoát khỏi địa ngục, sinh lên cõi trời rồi. và tất cả những tội nhân, nhờ công đức của cô, cũng đều được giải thoát lên trời cả.

Rõ ràng là nhân địa và quả địa của tiểu thừa bé nhỏ, dấu chừng đạo làm A la hán, cũng chỉ độ được một thân mình, không độ được cho ai. Nhân địa và quả địa của đại thừa rất to lớn, mầu chóng lạ thường; hãy còn là một cô gái bé nhỏ, mà đã độ thoát được cho mẹ và tất cả tội nhân trong một địa ngục đều sinh thiên.

Nay ta nhờ nhân địa, quả địa và nguyện lực của Địa tạng Bồ tát, tụng kinh của ngài, rồi phát tâm Bồ đề bá thí độ tha như ngài. Nhân Địa như ngài, Quả địa tất cũng như ngài, còn lo chi đến nỗi cứu huyền không được siêu thăng.

(còn nữa)

QUÔNG-YẾT

LỄ CỬ HÀNH TRỒNG CÂY BỒ-ĐỀ TẠI KINH ĐÔ NAM VANG

Nhận được giấy mời của bà Karpelès, đúng 3 giờ chiều hôm 30 tháng riêng ta, chúng tôi tới trường Đại-học Phan-tự là nơi làm lễ trồng nhánh Bồ-đề. Nhân dịp di thuyết pháp, và khảo sát tình hình Phật-giáo ở các nước ngoài, ngài Hòa-thượng Narada tự đạo Tích-Lan mang nhánh Bồ-đề này sang dâng cho vua xứ Cao-Mên và xứ Lao. Nhánh Bồ-đề cao ước chừng 7 phân tây, trồng tạm trong chiếc bát vàng, và đặt ở trên cỗ kiệu hoa đề ở giữa gian phòng đọc sách của thư viện Phật-học. — Ở đây, chúng tôi đã nhận thấy đủ mặt các quan, quần thần văn võ, các vị đại đức chư tăng, và một số rất đông thiện nam tín nữ đến chiêm bái một cách vui vẻ và long trọng.

Lễ cử hành vào hồi 3 giờ 15 phút. Một ông quan Bộ lễ, chấp tay cung kính đọc bài nguyện, thỉnh chư tăng tụng kinh cầu phúc cho bá tánh. Trong khi tụng kinh, ai nấy chấp tay ngang mặt, im lặng ngồi thính pháp, tỏ ra một dân tộc từ vua quan chí dân có lòng sùng thượng Phật pháp lắm. 4 giờ, tụng kinh xong, thì người ta rước nhánh Bồ đề đi nhiều quanh thành phố, đám rước rất long trọng. Có cờ và phường âm nhạc bản xứ đi đầu, kiệu hoa đi giữa, hai bên hơn 200 vị tăng đi hộ niệm, rồi có đến hàng ngàn thiện tín theo sau; trong số người đó, có cả các bà hoàng thân quốc thích nữa.

Trong khi chờ đợi đám rước trở về, chúng tôi được hân hạnh ngồi hầu truyện Hoàng-tử Sutherot và quan đại thần phụ chính, đại diện cho vua ra dự lễ. Hai ngài niềm nở bắt tay chúng tôi, và hỏi mục đích chúng tôi sang đây có việc gì? Chúng tôi bày tỏ ý kiến, rồi hai ngài mừng rỡ khuyến khích chúng tôi: « Buổi nay, nhân dịp hành lễ, hân hạnh được quen biết hai vị sư Bắc-kỳ, trong bộ áo nâu sồng đáng quý của người xuất gia, chúng tôi cầu nguyện Phật tử cho 2 vị gắng công tinh tiến sang học cho tới chỗ hiểu biết, rồi một ngày kia, trở lại sư nhà, hai vị sẽ làm ích lợi cho tăng-giới » Tỏ lòng chân thật cảm động những lời vàng ngọc khuyến khích của Hoàng-tử, chúng tôi trân trọng cảm ơn hai ngài. « Sự tu hành, tại quý quốc với chúng tôi đây có vài chỗ hơi khác thuộc về hình thức, còn đối với giáo-lý của Phật tử thì tóm lại cũng thâu về một nguyên-tắc của chân-lý, hay đạt tới cõi chân-không của Niết-bàn, chúng tôi sang đây không những về phần học hỏi mà thôi, chúng tôi cần phải xem xét sự tổ chức, sự tu hành trong tăng-giới quý xứ, và sự phổ thông Phật pháp đối với lòng tin ngưỡng quốc dân ».

Hai ngài cười, tỏ ra rằng ý kiến chúng tôi phê phán là phải lắm.

5 giờ rưỡi, đám rước trở lại với trận mưa tầm tã,

và quan Đổng-lý văn phòng, đại diện quan Khâm-sứ cũng vừa tới. Người ta đặt nhánh Bồ-đề trên bảo tọa; quan thượng đại diện nhà vua, đứng lên giới thiệu với ngài Đổng-lý cây Bồ-đề và Hòa-thượng Narada. Ngài đứng nói bằng tiếng Pháp ngọt nửa tiếng đồng-hồ, kể qua lịch sử cây Bồ-đề và tán dương công đức Hòa-thượng Narada, đã chăng quả vượt biển trôi non tới đây gieo cho xứ này hạt giống Bồ-đề, ngài nói một cách đĩnh đạc hùng hồn, khiến cho chúng tôi không khỏi tưởng nhớ lại cụ Hội trưởng ngoài Bắc của chúng tôi, vì cái bộ diện cử chỉ của hai ngài in như hệt. Quan Thượng nói xong, một tay múc chén nước, một tay bốc ít cát đã để sẵn gần đó, tưới và vun cho nhánh Bồ-đề. Ngài Đổng-lý, tỏ phép lịch sự làm theo; và ngài xin cầu chúc cho nhánh Bồ-đề này sẽ nhờ công vun tưới của chư tăng và thiện nam tín nữ, chóng được khai hoa kết quả. Rồi người ta chuyển tay liên tiếp tưới và bốc cát cho chậu cây, nhưng cái bầu bành này, chỉ mới có các ông Hoàng bà chúa làm được thôi.

Nói truyện một lúc lâu, quan Đổng-lý ra về, Hoàng-tử hai tay bưng chậu cây ra tới chỗ giồng nó. Theo sau ngài, bà Karpelès cầm ô che, và lúc đó trời vẫn mưa; lại có tới hàng ngàn con người xô lại chỗ trồng mà vốc đất vun cho nhánh Bồ-đề. Thật đáng khen thay, tấm lòng mộ đạo của bà con bản xứ !

Chư Tăng tụng kinh cầu chúc xong, thì vừa đúng 7 giờ rưỡi. Theo chương trình đã định, ngài Hòa-thượng Narada dâng đàn thuyết pháp về lịch sử và sự tích cây Bồ-đề, bằng tiếng Pali, một vị đại đức dịch ra tiếng Cao-mên cho thính giả hiểu; tới 9 giờ thì lễ mới xong.

Thanh Giản



TRANG HỌC SINH

Giảng về cái nghĩa chữ Hiếu của nhà Phật

Nam mô A-di-Đà Phật

Kính bạch chư Tăng,

Thưa các giáo-hữu,

Tôi xin nói về Cái nghĩa chữ Hiếu của nhà Phật. Tiên hiền nói: Hiếu là đầu trăm nết. Lại có câu rằng: Trên nhà đầu bạc, phơ phơ, ấy sinh bồ tát phụng thờ vi tiên. Đủ biết mọi sự ở đời không gì đáng trọng đáng quý hơn là sự hiếu. Trong các tôn-giáo, giáo nào cũng lấy sự hiếu mà dạy người. Vì ở nhà có hiếu với cha mẹ thì ra đời mới thành người trung chín tiết nghĩa; ở trong nhà Phật cũng dạy người ta lấy sự hiếu làm quý lắm, vì có hiếu với cha mẹ thì mới thành kính với Phật được.

Bởi những cơ ấy tôi xin đem cái nghĩa chữ Hiếu của nhà Phật mà diễn giải ra đây để cống hiến các giáo hữu.

Tổ Liên-tông Bảo-giám nói rằng:

Muôn phép của chư Phật dạy người, lấy phép niệm Phật làm đầu; trăm nết tốt đẹp của thế gian, lấy nết hiếu dưỡng làm trước. Tâm hiếu tức là tâm Phật, hạnh hiếu tức là hạnh Phật, muốn đắc đạo cũng như chư Phật trước phải nên hiếu dưỡng hai thân.

Ngài Lãn Thuyền-sur nói: Một chữ hiếu tức là cái cửa vào đạo; cho nên Phật mới cho hiếu là tông, lấy hiếu làm giới.

Hiếu có hai nghĩa. một là đạo hiếu của tại gia: hai là đạo hiếu của xuất gia.

Hiếu của tại gia, thời khi cha mẹ yêu thương càng thêm kính mến. khi cha mẹ ghét, sợ không dám oán. Còn đạo hiếu của Xuất gia, thời bỏ cả ân ái, từ biệt cha mẹ, mong cho hiểu sâu cái lý vô-vi, làm con đường tắt báo ơn cha mẹ lên đường giải thoát, không những đời sau mới được phúc, mà ngay đời này cũng được phúc ngay.

Bởi thế đức Thích-ca vừa đem bỏ thành ra đi, vào tu trong núi Tuyết, chúng quả Bồ-đề. Ngài Lu-Lãng kiếm

cúi đầu lấy tiền đem về nuôi mẹ, nổi được phép của tờ Hoàng-mai. Tuy vì pháp đoạn ân, nhưng bản tâm vẫn nghĩ sự báo đền ân-đức. Nên đức Thích-ca khi đắc đạo rồi, liền về thành Ca-duy thăm cha, và lên cung Đạo-lợi thuyết pháp cho mẹ. Đến như bậc nghèo cùng không có chỗ nương mà cũng vẫn phụng dưỡng cho tược trọn đạo hiếu. Như ngài Tất-lăng-già đi xuất gia cha mẹ nghèo khổ không có gì ăn, ngài Tất-lăng-già không giếm lấy của lớn thì cung cha mẹ mới lên bạch Phật. Phật bảo thu tam-qui ngũ-giới cho cha mẹ rồi mới được lấy của tin-thí cúng giàng cha mẹ. Phật lại bảo các Tỷ-khuru từ nay về sau nếu không cùng giàng cha mẹ thì phải tội.

Ngài Hoàng-nhãn truyền-sư nhớ ân khó nhọc của cha mẹ mới làm riêng nhà để sớm làm cúng phụng cha mẹ. Ngài Trần-mục-Châu kháu giúp đỡ cung cha mẹ Ngài Lăng pháp sư công cha mẹ mà đi học, lòng thành cảm cách đến nỗi ngài rửa bát thời đàn khi tranh nhau bưng tụng kinh thời các thứ chim bay liệng. Con người đi xuất-gia lấy mùi pháp làm ngon ngọt, mà vẫn không quên cái tấm lòng mớm lại gúng gỏi làm việc Phật, mà vẫn không quên lễ giáo của đời, không những chỉ mong báo ơn cha mẹ một đời mà lại báo ơn cả cha mẹ trong bao nhiêu đời về trước, không những chỉ độ một cha mẹ mình, mà độ cho cả cha mẹ khắp mọi người trong ba-cõi, cho cùng lên bờ giác không phải chìm đắm bến mê nữa.

Đó! cái nghĩa chữ Hiếu của người xuất-gia rộng lớn cao xa đến như thế. Nếu vì nhân duyên chưa bòa hảo, cha mẹ không cho đi xuất-gia, thì nên giữ chó trọn đạo hiếu ở tại-gia, và chăm tu cái nhân xuất-thế, quả hay ở chốn tục mà làm được đạo chi-chân, như thế cũng có cái quả thành Phật, không quản đến sự nhọc nhằn bề báo ơn cha mẹ, lại cố gắng tu lĩnh cho đến được chốn viên mãn nhất thừa, khiến cho các tại-gia bỏ tất, trông gương mình mà tu hành chuyên nhất, không ngờ vực gì, mà cho đến các bậc cao tăng ra đời, cũng coi mình làm

giương, lại còn khiến cho những người chỉ mãi về thờ Phật không chịu hết sức thờ cha mẹ, cũng coi mình mà cảm động trong lòng, mà biết phụng dưỡng cha mẹ, như thế mới thật là làm hoàn toàn được đạo hiếu vậy.

Than ôi! Phật pháp đã khó gặp, mà công cha mẹ cũng khôn quên, có cha mẹ ở nhà, cũng như có Phật ở đời, lấy cái đạo báo ân cha mẹ, về thành cái công niệm Phật cha mẹ vui lòng thì chừ Phật hoan hỉ, tâm như thánh thiện, thời cõi Phật thanh tịnh. Nếu cha mẹ không được vui lòng, thì lễ Phật cũng có ích chi, cũng thánh cầu thần, thánh thần nào chứng giám. Sao vậy vì cha mẹ tức là Phật hiện tại, công ơn cha mẹ, trời bề khôn tây, nào là mười tháng mang thai, nặng như đeo đá, đến kỳ mãn nguyệt khai hoa, ruột đau như cắt. Lại còn óm ấp bú mớm, dằng dằng ba năm trời, toàn biết bao tâm huyết những mong con được khôn lớn, đỡ dần công nợ việc kia, đề nối giới tổ tông, thờ cúng cha mẹ, nhưng khi lớn lên, mỗi người đi làm ăn xa vắng mọi nơi, không thể sớm hôm bầu hạ, cha mẹ bao phần mong nhớ, cha mẹ đối với con thực là vô cùng vô tận. Vậy thời ta phải nghĩ sao cho khỏi lỗi đạo làm con, cho khỏi phụ công cha mẹ? Ta muốn báo ơn cha mẹ thì khi cha mẹ còn ta phải cơm ngon canh ngọt, bầu hạ sớm khuya, mùa nào thức ấy, cho hợp thời phải tiết, đừng để cho cha mẹ thiếu thốn một vật gì, và lúc nào cũng phải làm cho cha mẹ được vui lòng, đó là sự hiếu về vật chất ở thế gian; còn sự hiếu về tinh thần, thì lại càng phải cần lắm. Nếu cứ giữ cho trọn hiếu về vật chất thì chỉ được sung sướng cái sắc thân một đời mà thôi, còn phần tinh thần vẫn bị mờ tối, đến lúc chết đi không biết về đâu, thế vẫn còn là đáng tiếc lắm. Vậy nên khi cha mẹ già yếu, ta phải khuyên xin chăm chỉ niệm Phật và cầu vãng sinh, hay tìm các bậc đạo tâm, để khuyên giảng cho cha mẹ biết tụng kinh, biết ăn chay niệm Phật, để bồi bổ cho biết rõ cái lễ đả giới ở thế gian này, dù cho giàu sang sung

sương đến đầu, lúc con quý vô thường nó đến cũng chỉ hai tay buông xuôi, tiền tài của quý phò thác nhân gian có mang được một đồng nào đi đâu, chỉ duy có cái nhân duyên phúc thiện niệm Phật là có thể làm cái tư tưởng vãng sinh tịnh độ, mới là sự sống thật mà thôi. Như thế không những chỉ báo hiệu được về phần vật chất, lại báo đáp được cả về phần tinh thần, khiến cho cha mẹ không phải xa vào ác đạo. Như thế mới thiết là đạo biểu. Mới là đúng cái nghĩa chữ hiệu của Phật vậy.

Nam mô A-Di-Đà Phật

Thanh Dương

PHẢI BIẾT NHỮNG ĐỀU MỀ TÍN LÊN TRONG ĐẠO PHẬT

Đạo Phật rất có công với nhân-loại, đã cảm hóa người đời sâu lắng, đạo Phật truyền sang nước nào cũng là hoán cải được lòng người, đổi thay được phong tục, và gây thêm ra các đức tính, như : chân-thực, cần-nghiêm, can-đảm, nhân-nhục, từ-thiện, tự-do, bình-dẳng, bác-ái, tinh-tiến.

Như lúc truyền sang Trung-quốc, về đời nhà Tấn, nhà Đường. Nhất là trong tầng giới, biết bao nhiêu những bậc Cao-tăng. Tự đất Trung hoa sang Ấn-độ, qua những núi non hiểm trở, khơi bể mông mênh, gian nan nguy hiểm là dường nào. như năm 399 tây lịch có cụ Pháp-hiền, lại năm 629 tây lịch có cụ Huyền-trang, đều bởi lòng hâm-mộ đạo Phật, mới có cái nghị lực mạo hiểm tuyệt trần như vậy, đến ngày nay vẫn còn vắng vắng trong tai truyện « Thầy Đường Tăng sang cầu kinh bên Tây-trúc ». Muốn biết cái giá-trị phổ-cấp về đường luân lý của đạo Phật thế nào, không gì bằng lấy nhờ phán đoán của một ông Linh-mục đạo Thiên-chúa : là Wieger giảng đạo ở bên Trung-quốc khi xưa, ông là một vị rất thông hiểu chữ Hán,

đã dịch nhiều sách Phật chữ nho ra Pháp-văn. Ông Wiegier có dịch nhiều sách Luân-lý đạo Phật như thế này : « sans doute, il ne faudrait pas croire qu'en chine tout homme du peuple sait réciter son catéchisme Bouddhique, mais s'il n'en possède pas la lettre, l'homme du peuple chinois en a l'esprit, ce qui est plus, s'il se trouve, dans la chine actuelle, quelque morale, quelque piété; quand on va aux sources, c'est toujours d'un fond de bouddhisme, que cela découle ».

Nghĩa là : Dân Trung-quốc tiêm-ubiêm đạo Phật không phải rằng người nào cũng có thuộc kinh kệ cả đâu, song tuy cái văn tự họ không thuộc lắm, mà cái tính thần như đã vào sâu. Người tâu ngày nay vẫn còn chút đạo đức lại có lòng từ thiện. Xét cho đến nguồn, là nhờ có đạo Phật cả. Ấy đó ! đạo Phật cảm hóa lòng người mà đến khách ngoài cũng công nhận như vậy.

Vậy thì còn cái tệ mê tín nó phát nguyên ra từ đâu ? cái hại mê-tín nó cũng ở đất « mọc sen », nói trái lại ở đất Ấn-độ do phái Bà la môn (Brahmane) mà ra, Họ bịa đặt nhiều điển cúng lễ, lại có phép thần thông ảo-thuật rồi cảm hóa cho khắp dân gian noi theo. Họ lại in ra các kinh Lục phệ đà (Rigvéda) đặt đề ra thần Á-ni (Agni), Thần Ấn đà la (indra) còn các vị thần khác nữa khắp trong giới đất Ấn độ, họ xi xụp lễ lạy, đề họ cầu phúc tránh họa sau phái này cũng quy thuận đạo Phật vì đạo Phật là đạo « Vô thượng chính đẳng chính giác » Nhưng đạo Phật vẫn gọi phái ấy là « Hương nguyên ». Rồi thì phái ấy lẫn vào Phật-giáo, cũng truyền sang đất Tàu.

Đạo Phật truyền bá sang Trung quốc nhưng đất Trung quốc đã quá rộng, mà dân Tàu cũng chẳng phải một giống người. Có một giống trong năm giống, là giống Tây tạng, giống Tây tạng lại sen vào có giống Tam miêu, họ ở rải-rắc vào nam bộ Trung quốc, về các chân núi bờ bể, ở các tỉnh Hồ nam, Tứ xuyên Quý châu Vân nam

và Lưu-ông quảng. toàn là giống Cửu lã, Tam miếu cả. Mấy giống người này hay mê tín, đã bị vua Hoàng-đế đánh đuổi như bọn xuy vu (蚩尤) thì giống này phải lui về phía nam sông Hoàng hà. Lại đến đời Đào đường vua Nghiêu trục xuất họ ra ở Đạn thủy, sau vua Thuấn lại đuổi họ vào đất Tam nguy. Rồi di-chúng ấy còn dữ ở Giang-nam. Đến đời nhà Ân, đánh qui phương, đời nhà Chu đánh Kinh nam, lại đến đời Xuân-thu, Tam-quốc, các nhà vua còn đuổi giỗn mãi giống mê-tín này cho đến đất Hồ-động-đình về mặt nam mới thôi. Thế là họ ở tản-mạn khắp rừng rù tỉnh Lĩnh-nam.

Giống người này họ ưa mặc quần áo xanh đỏ, thêu vẽ sắc sỡ, tính tình hay ưa múa hát sênh đàn, cùng là mơ tưởng những cách huyền ảo. Đến khi đạo Phật truyền sang, họ theo đạo Phật, nhưng họ đưc nhau lập phái Thần-quyền của đạo Bà-la môn. Cái tục đồng bóng từ đó càng nảy nở ra quá mạnh. vì họ đã hoàn toàn tin theo đạo mật-lưu là thờ giáo ở Tây tạng, Mông cổ, thành ra một đạo phủ chú ấn quyết (Tantra), Người tây gọi là « Trantrisme », thiên hẳn về đường mê tín vô nghĩa lý, chứ có phải tự đạo Phật bày ra đâu. Chính đạo Phật là giậy những sự thực hiện, thực hành và chân lý trong thế gian, về mọi đức hạnh cho chúng sinh.

Rồi đến những hội nước tạ bắc thuốc về Tàu. theo cả văn-hóa, phong tục, lễ-nghĩa, của Tàu thì theo luôn cả cái thờ giáo Tam miếu nữa. Từ đấy đến ngày nay, chỉ chuyện về thờ mê tín vàng mã đồng bóng, nào ôn ền mùa mang, đồng cô bóng cậu, nào người nan áo giấy, mã bội đàn tràng, để tìm hạnh phúc hảo. Biết đâu cái loại mê tín đã xoay lệch nghiệp gia-đình. Nếu ai giảng-giải cho nghe, phái « Hương-nguyện lai » này cho là báng nhạo. Ôi may thay ngày nay mở đường duyên phúc. Các thành thị lớn cũng có các chi hội Phật giáo chấn hưng. Khắp phủ huyện to cũng có diển đàn giảng thuyết, mà cơ quan truyền bá chóng nhất, có Báo Đuốc Tuệ hàng tuần

đề lĩnh thức những giấc mê mộng.

Đây chúng tôi cùng trong tôn-giáo Phật-đà. Nên mới gọi lòng các Tín đồ Phật-tử, những ai là kẻ chấp mê, nên quay mặt lại bỏ chính-giác của Phật đứng đề sai lạc đường tu, xa cách với chân lý mà đến nhà sư cũng đồng chùa bóng phủ cho kẻ thiện lìa nông lờn vịn theo cả cái tệ mê-tin ấy. Mồ Phật ॥ xin nói to lên rằng: «Tin đạo, chứ chẳng tin người theo đạo». Ai muốn tránh họa cầu phúc, dù giàu nghèo cũng nên theo sức mình làm phúc. Không làm phúc, sao cầu được phúc, mà tránh được họa? Ấy là chân chính đạo Phật.

Tri-huyền-Tử Thiện bảo

BÀI ĐIỀU VĂN VIẾNG VỊ CHỦ TRÌ HỘI VIỆN BÀ-HỘ TRẦN-ĐỨC-TIÊN

Quy tịch ngày 18 tháng 11 năm Mậu-dầu (8-1-1939)

thuộc chi hội Phúc-lâm Quận-phương.

Nam mô A di đà Phật

Đương khi mưa Đông lạnh lẽo, gió bắc bắt hịu, đứng trước cái cảnh tượng thê-lương đó Giáo-hữu ta cần phải phấn đấu với thời-gian mà đặt tới chủ-nghĩa tinh tiến đứng mẫu của Phật vì đời nhiều trách-nhiệm!

Này đâu vị Chủ-trì hội viên thường thụ cử phẩm bà-hộ Trần phủ Quận sao đã từ trần sớm thế? sao đã phó trăm nghìn sự đời lại thế? Trên còn một chút mẹ già, voi cảnh biệt ly âu đã cam lòng choặng! Cái tin buồn vật đời sao dòi, chan chứa mối tình cho đồng nhân chúng tôi biết là đường nào?

Giữ nếp danh-gia: Theo nền dạy-giáo. Ông chia bề móc mưa dầm thấm, đường công danh rạng vẻ y quan: Trò năm châu sóng gió ngồn ngang, dấu Trung hiếu vững niềm son sắt. Tuy tại gia mà kính Phật vẫn lưu tâm!

tuy phú quý phong lưu mà tổ tính vẫn từ bi bác ái. Thật là một nhân vật thượng lưu xã-hội, một hội viên xứng-đáng của bản chi hội vậy.

Than ôi ! ngày nay cổ giáo hữu phứt chốc đã ra người chín tuổi; âm dương đổi ngả, trước khi cánh ruồng bát ngát ở giữa mảnh giang sơn tổ quốc Việt nam đây sắp thành một ngôi phần-mộ của cổ giáo hữu, tôi xin thay mặt toàn thể chi-hội Phật giáo Phúc lâm cầu nguyện cổ giáo hữu được siêu-sinh về tịnh-độ.

Nam mô Tiếp dẫn đạo sư A-Di-Đà Phật
Nhân-vân-Đình soạn

VĂN UYÊN ✦

I. GIÁO-HÓA ĐÔNG PHƯƠNG

Thư nhân ta xét đạo Đông-phương,
Đạo dẫn cao-siêu, lý giải thường.
Bề Thích trở đưa người giải thoát,
Rừng Nho chỉ dẫn khách tầm phương.
Di-đà kinh dạy lòng nhân-thiện,
Luận-ngữ lời truyền việc kỹ-cương.
Vi khắp loài người cùng hiểu đạo,
Làm chi có sự trốn xa-trường.

II. LỄ LUÂN-HỒI ✦

Làm người phải hiểu lễ luân hồi,
Như bãi bên sông lở lại bồi.
Địa-ngục, Thiên-cung tuy nẻo khác,
Ác căn, thiện niệm bởi lòng thôi.
Xưa kia đã cấy nhiều cây lúa,
Sau đó thì soi những oản xôi.
Giồng đậu, giồng dưa đều được quả,
Ta giồng cây đức nầy nhiều trời.

III LÒNG GHEN

Nhân quần tán-loạn bởi lòng ghen,
 Điều-đứng gáy lên đã lắm phen.
 Chiến-dấu vì ham phần thắng bại,
 Ganh-thi chỉ tức chuyẹn hay hèn.
 Đường danh lẫn-quần người nhem-nhuốc
 Bề dục lênh-dềnh kẻ bạc-den.
 Thua được làm chi thêm lắm nỗi,
 Trăm năm để lại tiếng chê khen.

LÊ - TOẠI

TẶNG TỔ LIÊN THIÊN-SƯ

Thân xưa bao trải kiếp tu hành
 Vì cõi phù sinh lại tái sinh.
 Gió Mỹ mưa Âu đời ngũ trọc,
 Dương chi này thử tưới cho thanh.

Cho thanh đường thể, mọi người đi,
 Trách nhiệm thiên-sư lưỡng nặng nề;
 Cõi đạo càng ngày mong mở rộng,
 Khắp hòa thành thị với thôn quê.

Thôn quê thành thị những nơi nơi,
 Thuyết pháp cho nghe khắp mọi người.
 Nước Nhị non Nùng nền tổ-quốc,
 Bia ghi công đức rộng muôn đời.

NHÀN-VÂN-ĐÌNH

SA-MÔN TỔ-LIÊN HỌA

Rõn phận nhà tu quý thực hành,
 Mong tròn quả nguyện với kim sinh.
 Cát vàng bụi tía không chớm gột,
 Nhờ có mưa từ gội rửa thanh.

Rửa thanh cho cả sáu đường di,
 Giáp mấy công phu cũng chẳng nề.
 Bao thấy hoa Đàm đầy đất Việt,
 Bấy giờ cực lạc chính là quê.

Là quê cực lạc khắp đời nơi,
 Thành Giác cho hay ở cõi người,
 Thấp nèn hương nguyện cùng Pháp Giới,
 Soi chung Đuốc-Tuệ tỉnh hồn đời.

PHÂN LUẬT THỀ GIAN

Theo lời thỉnh cầu của viên phóng sự của Đuốc tuệ nói nhiều độc giả thôn quê muốn nhà đợc Đuốc tuệ mà biết thêm đến ít nghĩa pháp-luật thề gian. Vì ở thôn quê ít đợc luật, nên nhiều khi làm sự thường lúng túng không hiểu nghĩa luật mà bị lỡ việc. Bởi vậy từ nay mỗi kỳ Đuốc tuệ trích (không theo thứ tự) và cắt nghĩa những điều cần thiết trong bộ Dân-luật Bắc kỳ để cùng các đợc giả trên ấy xem cho thêm kiến thức về pháp luật. Kinh Pháp-hoa có nói : « Phạm những lời lẽ về việc cai trị cuộc đời mà không trái với chính pháp đều đợc giảng diễn ». Thế thì Đuốc tuệ thêm mục này cũng không ra ngoài cái nghĩa Pháp-thi.

1. Nghĩa và luật pháp nhân

Thiên thứ X trong Dân-luật Bắc-kỳ quyền thứ nhất nói về luật pháp-nhân. Luật này thuộc về những đoàn thể là: Nhà nước, hàng xã, hàng thôn, hàng giáp, hàng xóm và các hội đúng phép

« Pháp nhân 法人 » là một người về pháp luật, do chữ tây « *Personne moral* » mà ra. Nghĩa là một đoàn thể của nhiều người hợp lại có tổ chức thành thống hệ và có mục đích để làm việc gì, như Nhà nước là do nhân dân trong một nước lập ra để cai trị và mưu lợi ích cho cả nhân trong nước. Hàng xã là do nhân-dân trong một xã lập ra để cai trị và mưu lợi ích cho nhân dân trong một xã. Hàng hội là do các hội viên cùng một ý chí hợp mà lập ra để mưu làm cái ý chí chung của cả hội như hội buôn mưu lấy lãi, hội thiện mưu làm phúc, hội Phật giáo mưu chấn hưng đạo Phật v.v.

Theo nghĩa pháp luật thì một đoàn thể nào trong đó có đủ tư cách mà pháp luật đã nhận cho như một người. Nghĩa là như ông A hay bà B, được có quyền hành động làm công kia việc nọ, được có tài sản, được nhận tài sản người khác tặng cho như là động sản, bất động sản, được có quyền đi vay hay giả nợ, được mua bán những tài sản ấy, được đi thưa kiện như một người thường vậy.

Những đoàn thể thành pháp thân như trên đã kể thì Nhà nước, hàng xã, hàng thôn, hàng giáp và hàng xóm là do tình trạng về lịch sử, địa phương, tập tục đã lâu mà hiện tại Chính phủ đã nhận có tư cách pháp nhân rồi, còn các hội thì trước khi lập phải xin phép Chính phủ đã, vì ở xứ này nhân dân chưa có quyền tự do lập hội.

Vậy thì ngoài Nhà nước ra, như hàng xã, hàng thôn có danh phận thuộc địa phương chính-trị Chính phủ đã công nhận lâu rồi ra, hàng giáp, hàng xóm nào mà muốn có đủ tư cách pháp nhân để hành động được

đích, xử dụng tài sản. thì nên đem những giấy má, điều lệ di truyền làm trưng cứ mà trình cho quan trên biết để phòng khi xảy có việc đến trước phép luật, người ta không bẻ là trái phép hay cho cho là vô-hiệu. Nghĩa là không có tự cách pháp nhân.

Còn như muốn lập một hội theo mục-dịch như tế-tự, lòng giáo, cách-trí, văn học, mỹ nghệ từ thiện hoặc tiêu khiển, thì phải xin phép ở quan cai trị chuẩn y cho mới được. Số hội viên thì phải từ 20 người trở lên mới thành một hội. Và phải định ra một bản điều lệ rõ ràng từng khoản, mục đích của hội sẽ làm gì, tên hội là gì, theo như điều 290 trong thiên X nói pháp nhân ở bộ Dân-luật Bắc kỳ mà liệt và kê ra và đính điều lệ ấy theo với đơn xin phép lập hội.

Không xin phép mà hội họp từ 20 người trở lên ấy tức là cao vào luật bí mật kết hội, song thảo điều lệ mà không đúng luật thì xin phép cũng sẽ bị bác bỏ. Ấy nghĩa pháp nhân và cách lập hội như thế, còn nhiều điều câu hệ về hàng hội xin xem tường thiên X trong Dân-luật Bắc kỳ.

Vì quen cái tục cũ, lập phường lập hội không phải xin phép quan, nên ngày nay thường có nhiều đoàn thể do di truyền không biết đem trình quan trên mà chịu để thành vô-hiệu. Lại thường bị kẻ xấu bung lợi dụng pháp luật thấy có đám đông hội họp tạm chốc lát liền đi tố giác là bí mật kết hội, Hoặc thấy sự xin phép khó khăn, nên có nhiều đoàn thể có tính cách hay về nhân-sinh mà cũng đành phải tan. Thực là đáng tiếc. Đó cũng chỉ vì dân ta không chịu đọc luật mà thôi. Nếu hiểu luật thì cứ đem mục đích và điều-lệ bày tỏ rõ ràng mà xin phép hẳn hoi thì quan trên tất thấu hiểu mà cho phép

(còn nữa)

Quảng tràng-Thiệt cư sĩ

PHEP HỘ NIỆM

(tiếp theo)

V. CÚNG TỨ CỬU

Khi một vị Hội viên nào về châu Phật, thì cứ tính từ ngày lịch cho đến ngày thứ 49 thì là tuần tứ-cửu. Trước khi cúng, ông Trưởng ban Hộ-niệm nên báo cho Tang gia biết ngày nào giờ nào sẽ làm lễ cúng.

Lễ cúng tứ-cửu : Đến ngày tuần thì thiết lập ban vong ở bên chùa, viết danh hiệu vong vào phan đề chiếu linh và viết vào điệp đề lưu lại thờ về sau. Chư tăng làm lễ cúng Phật chiếu linh rồi tụng cho một quyển Địa-tạng, còn ban Hộ-niệm thì tụng một khóa lễ « Khóa tụng hàng ngày ». Trước khi lên lễ, nên giới thiệu các hội viên biết rõ là cúng cho ai, tên là gì để cho mọi người cùng nhớ danh người ấy mà tưởng niệm cho vong. Khi lễ đến chỗ phát nguyện, thì có một lá sớ công, đứng tên cả Hội Phật-giáo cầu cho vong. Đọc sớ xong, đọc bài phát nguyện Khề thủ Tây-phương hay bài « Niệm Phật công đức thù thắng hạnh » ở mục Hộ-niệm ở trên thì phải hơn. Hoạn lễ tam tự quy thể là song.

Người nào có công đức với Phật pháp nhiều, thì lúc giới thiệu cũng nên nói cho các hội viên dự lễ biết để khuyến khích cho người tu sau để cảm nhớ đến người quá cố.

Lễ cốt ở chỗ thành thiết, ai nấy cũng cùng một lòng tưởng niệm kêu cầu cho vong như thể người thân quyến lo lắng cho người thân bị hoạn nạn, từ lúc vào lễ cho đến lúc ra, lúc nào cũng dính dính một lòng cầu đức Di-Đà cứu độ cho vong được siêu-sinh Tịnh-độ, thoát khỏi luân hồi, như thế thì mới có ích lợi cho vong, cho nên đồ lễ chỉ cần hương hoa đèn nến cho thanh sạch thôi, đừng nên dùng đồ mã và đồ mặn mà cúng thì lại càng thêm tội cho vong.

(còn nữa)

TÂY - VỰC KỲ

Nước này quá núi là bãi cát, đất cát nhiều chỗ cây cối rất tốt, xuất sản nhiều bông và len dạ, lại có nhiều ngọc đẹp. Khí hậu ôn hòa, tục chuộng lễ nghi, chăm học, thích âm nhạc, uy nguy chính tề, khác hẳn tục hồ, vẫn tự thì bắt trước văn Phạm, chỉ khác một đôi chút thói Dân tính trọng Phật pháp, có hơn trăm ngôi chùa, tăng đồ hơn nghìn người, phần nhiều học theo Đại thừa. Vua nước ấy là một vị trí dũng anh hùng, tôn quý người có đức 79 xưng là giòng giỗ Ti sa-môn thiên. Khởi từ nhà vua, tức là thái tử vua Vô-uu, trước ở nước Đát xoa thủy - la, sau bị phạt ra núi tuyết chẵn đá, theo giòng nước suối, đến đây lập kinh đô, muợn mã không có con, mới đến cầu tự ở miếu Ti-sa-môn thiên, liền có con, và trước miếu lại bật ra một cái suối, thơm ngọt như sữa, để nuôi đứa bé ấy cho đến trưởng thành. Khi vua háng hà, thì lên nối ngôi, uy đức lớn lao, sa gần đều phục, ông vua háng giờ tức là con cháu vậy. Vì chưng liền từ đất nứt thành suối sữa nuôi cho nên người, cho nên nước Vu điền mới gọi là Địa nhũ vậy. Pháp-sư đi thẳng vào trong nước, tới thành Bết-già-di, trong thành có một pho tượng Phật ngồi, cao hơn bảy thước đầu đội mũ bằng đồ báu, dung nhan viên mãn. Nghe nói pho tượng này nguyên thỉnh ở nước Ca-thấp di-la đem lại. Ngày xưa có một vị La hán, có một chú sa-di, bị bệnh sỏi, khi sắp chết, đòi ăn bánh ở mai, vị La-hán dùng thiền nhãn trông thấy chỉ có vua Cù-tát dân-na có bánh ấy mới vận thần túc bay đến xin bánh mang về cho chú sa-di ăn, Chú sa di ăn rồi hoan hỉ nguyện sinh sang nước ấy.

Đúng như lời nguyện, chú sa-di chết rồi, liền đầu thai vào nhà vua. Khi nối ngôi vua, có tài thao lược, có chí anh hùng, rắp toan vượt núi Tuyết sơn sang đánh nước mlah xưa. Bấy giờ vua nước Ca thấp di-la cũng luyện binh kén tướng, toan đường trông cự lại.

Vị La hán bèn đến bảo vua rằng : Không phải nhà vua phải động binh đao, tôi tự khắc giúp được.

Nói đoạn liền đi sang nước Cù tát đát-na, nói lại câu truyện bị bệnh sỏi zu bánh ô-mai khi xưa cho vua nghe và rờ cái áo cũ của chú sa-di trước cho xem.

Vua nghe nói thấy áo, tỏ biết việc kiếp trước, sinh lòng tủi thẹn vô cùng, mới cùng vua nước Ca-thấp đi la kết hiếu và thỉnh cả pho tượng kiếp trước vẫn thờ về bên nước mình.

Khi rước tượng về đến thành này thì tượng trưng lại không đi, vua và quan quân, hết sức vận truyền không hề động đậy, mới làm ngay chùa để thờ ở đấy, vua lại xả cái mũ rất quý sửa vua để trang nghiêm trên đầu tượng. Cái mũ ấy hiện nay bầy còn, giắt toàn ngọc báu ai xem cũng tán thán. Pháp sư đình lại ở đấy bảy hôm Vua nước Vu điền nghe tin Pháp sư sắp tới thân chính sang đón.

Hôm sau Pháp sư khởi hành, vua lưu thái tử lại hầu và xin về trước để sửa soạn việc tiếp rước, Sang ngày thứ hai, vua lại sai quan Đại thần sang đón nữa. Hi còn cách thành bốn mươi dặm thì tối, phải ngủ đờ một đêm.

Ngày mai vua cùng tăng tục, đem âm nhạc hương hoa ra đón ở ngoài thành, khi vào trong thành, trú ở chùa Tát đát di thuộc phái liễu thừa. Về phía nam cách vương thành hơn mười dặm có một ngôi chùa to, là ngôi chùa của tiên-vương nước ấy làm để rước ngài Biện chiểu la hán (Tỳ lu triết na) đến trú ở đây vậy. Nguyên nước ấy xưa kia chưa được thắm nhuần giáo pháp, ngài Biện chiểu la hán từ nước Ca-thấp đi-la đến đó, ngài nhập định ở trong rừng. Có người trông thấy hình thù quái lạ, mới đem trình vua Vua nghe nói liền thân đến xem và hỏi rằng: « Ông là người nào mà ngồi một mình ở nơi rừng rậm thế này? »

Ngài La-hán đáp: « Ta là đệ tử của như lai, y-phép nều nhân cư như thế. »

Vua nói : Như lai là nghĩa thế nào ? — Ngài đáp : Như lai là cái huy-hiệu tôn xưng công đức của Phật đà, Xưa kia thời tử con vua Tịnh phạn tên là Nhất-thiết nghĩa thành (Tất đạt đa) thương sót chúng sinh, chìm đắm trong bể khổ, không ai cứu vớt, không nơi nương nhờ, nên ngài bỏ cả ngôi vua, bỏ cả nước nhà, vào trong rừng tu, sáu năm thành đạo, nên được cái thân sắc vàng, chứng được cái phép vô-sur (tự biết) vẫy nước cam lộ ở vườn lộc uyển, chuỗi ngọc ma-ni ở trên non thúy trong tám mươi năm trời, chỉ bảo phép tu, chúng sinh lợi lạc, cái duyên hóa độ đã hết rồi, liền về nơi chân thiết tượng còn để lại, kinh còn truyền lại, thì đạo pháp cũng còn lưu truyền. Nhà vua vì có phúc tu từ trước, làm chúa cả mọi người, đáng nên nhớ nhờ phước, quy y về nơi chân chính mà truyền giúp pháp luân mới phải, nay lại mở mắt không biết gì, là nghĩa làm sao ? Vua thưa rằng :

Tôi vì nghiệp chướng sâu dày, không được nghe đến tên Phật, nay nhờ thánh nhân chỗ đường vạch lối cho, thực cũng là có phúc, quả còn có kinh tượng, xin vàng mệnh tu hành.

Vị La-hán nói : Quả là tìn thực, cứ làm chùa đi, tự khắc có kinh có tượng.

Vua trở về, cùng các quần thần chọn nơi đất đẹp, kén toàn thợ giỏi, rồi đến cầu vị La hán cho kiểu mà làm.

Khi hoàn thành chùa, vua lại thỉnh rằng, nay chùa đã làm xong rồi thì kinh với tượng đâu ? Vị La-hán nói : Vua cứ rốc lòng thành, tượng sẽ đến ngay bây giờ. Vua liền cùng các quan dân đốt hương tán hoa nhất tâm túc chực.

Một lát, thấy một pho tượng ở trên không xuống, ngồi ngay trên bảo-tọa, sáng láng rực rỡ, dong nhạn chính-túc, vua trông thấy, bội phần hoan hỷ, khen ngợi vô cùng, rồi thỉnh vị La-hán thuyết pháp cho chúng nghe, vì thế nhân dân trong nước đua nhau

làm việc cúng dàng, mà ngôi chùa này tức là ngôi chùa xây trước nhất vậy.

Pháp sư vì sự qua sông mất kinh, khi đến ở đây lại sai người sang nước Khuất-chi nước Sở-lặc tìm bản khác, lại nhân vì vua nước Vu-diên lưu-liên mãi, chưa về nước được, mới viết một tờ biểu, giao cho người nước Cao-sương theo các lái-buôn đem về dâng cho vua Đường nói rõ nhân duyên sang nước Ba-la-môn cầu pháp, nay đã về tới nước Vu-diên. Bài biểu rằng :

« Sa-môn Huyền-trang, nghe như Mã-dung bác học, Trịnh-Huyền còn lời Phù-phong nghe ; Phục sinh tài cao, Chàồ thổ thân đều Tể nam học. Đủ biết học Nho thân gần, cổ nhân còn tìm sa thối, huống chi cơ-huyền lợi vật của chư Phật, phép mầu giải thoát trong kinh tạng, lẽ nào dám nản sợ đường xa mà không thăm thú được ư ? Cứ như ý Huyền-trang tới trước kia vẫn nghĩ rằng đạo Phật phát khởi ở tây vực, mà đạo giáo di truyền sang phương đông, thế thì kinh-diễn cao quý có tới, mà chỗ viên-tôn vẫn còn thiếu, nên thường muốn tìm thấy học hỏi, không tiếc chi thân, vì thế nên hồi tháng tư niên hiệu Tịch-quán thứ ba, trộm phạm phép nước, lên sang Thiên-chúc, lên lối bề cát mịt-mù, leo trèo núi tuyết vọt vọi, qua nơi cửa sắt treo leo, vào lối bề nóng nung nấu. Bắt đầu từ thần kinh Trạng-an, kết cục đến tận thành vương-xá, trải qua hơn năm vạn dặm đường, tuy nguy hiểm muôn trùng, phong tục khác lạ, mà nương-tựa oai-thần, đến đâu cũng thuận lợi, mà lại được hậu đãi nữa. Thân quên tân-khổ, tâm được như nguyện, mới được xem núi Kỳ-xà-quật, lễ dưới cây bồ-đề, được thấy những sự tích chưa từng thấy, được nghe những kinh điển chưa từng nghe, xem hết những sự linh kỳ trong vũ-trụ, biết hết những cơ hóa dục lẽ âm dương.

四山偈

四山峭壁萬青巖

了悟都無萬物空

喜得驢兒三脚在

驀騎打趁上高峰

一山

二
一山者生相也。有差一念。故現多端。托形骸於父母之精。假孕育於陰陽之氣。冠三才而中立。爲萬物之至靈。不論上智下愚。盡屬胚胎之內。豈問一人兆姓。咸歸橐籥之中。或太陽表聖主之誕生。或列宿應賢臣之間出。文筆掃千軍之陣。武略收百戰之功。男兒

啓白

敬啓。十方大覺。三世雄師。揚慧炬於昏衢。泛慈航於苦海。竊開鷄籌初送。兔影方沉。江山之煙霧微分。遠近之輪蹄齊動。樓上梅花聲斷。牕前竹葉醉腥。柳眉隱約。映朝曦。花面嬌羞。凝曉露。逢茲明發。憫彼愚家。宵中夢裏。旣昏七。覺後心頭。猶擾七。眼耳隨於聲。鼻舌逐於味。香長爲火。烹煎。末被爰河。沒溺。任爾今朝。聞眼漢。亦如昨夜。打眠人。不爰生老。病死。侵。祇管。妄拏財貨。縛諸佛子。身根不固。命蒂難安。凡

KHOA-HU' GIANG YEU

KỆ VIẾT

Chán' lẽ huân đào vạn tượng thành,
Bản lai phi triệu hựu phi manh.
Chỉ sai hữu niệm vong vô niệm,
Khước bội vô sinh thụ hữu sinh.
Tị trước chư hượng thiết tham vị,
Nhân manh chúng sắc nhĩ văn thanh,
Vĩnh vi lãng đấng phong trần khách,
Nhật viễn gia hương vạn lý trình.

BÀI KỆ BỐN NÚI

Bốn núi trót vót sanh như rừng,
Hiều ngộ đều không muốn vật không.
May được lừa còn ba vó đỏ,
Quất doi lên thẳng chốn cao phong.

(Bài này ý nói đã gây nên nghiệp, thì phải chịu có thân để đền trả nghiệp, không thể chốn thoát được. Nhưng may cái chân tâm vẫn còn đó nếu biết tỉnh lại, đừng mất tinh tiến, phá tan cái màn vô minh, hoàn lại chân như bản-thể, thì cũng giải thoát được vậy. Lừa còn ba vó, đó tức là dụ như cái tâm vậy).

TỪNG NÚI THỨ NHẤT

Tùng núi thứ nhất, ví như tướng sinh đó. Chỉ vì một mối nghĩ sai, cho nên hiện ra nhiều mối. Hình hài mượn tinh cha mẹ, sinh sản nhờ khí âm-dương. Trong tam-tái là ngôi đờng đờng, đôi muông vật là giống rất linh. Chẳng kể chỉ một người hay cả muông họ, đều thu trong túi kiền-khôn. Hoặc là mặt trời, rõ triệu vua thánh giáng-sinh; Hoặc là các sao, ứng điềm tôi hiền xuất hiện. Ngọn bút văn chương, quét sạch trận-thế nghìn quân; Mưu mô võ lược, thu được cái công trăm trận. Trai khoe dáng tươi ném quả, Gái khoe vẻ đẹp khuynh thành. Một cười đồ nước người, hai cười nghiêng thành người.

ganh danh khoe đẹp, tranh lạ đấu kỳ, xem ra không lọt lưới luân hồi, đảo đẽ vẫn trong vòng sinh hóa. Tuổi sinh người đó, cũng như mùa xuân. Nồng hơi dương càng thêm ban thái ; Hun muôn vật hội phần tốt tươi. Một trời sáng đẹp ; nơi nơi hoa thắm liễu xanh ; Muôn dặm phong quang, chốn chốn bướm rờn oanh hát.

KỆ RẰNG :

*Tạo vật hun đúc nên muôn hình,
Nguyên không mầm mống không mỗi manh.
Chỉ sai hữu niệm quên vô niệm,
Hóa trái vô sinh chịu hữu sinh.
Mũi lưỡi thích hương cùng thích vị
Mắt tai mê sắc lại mê thanh.
Lệnh đĩnh làm khách phòng trần mãi,
Cực lạc què xa mảy vạn trinh.*

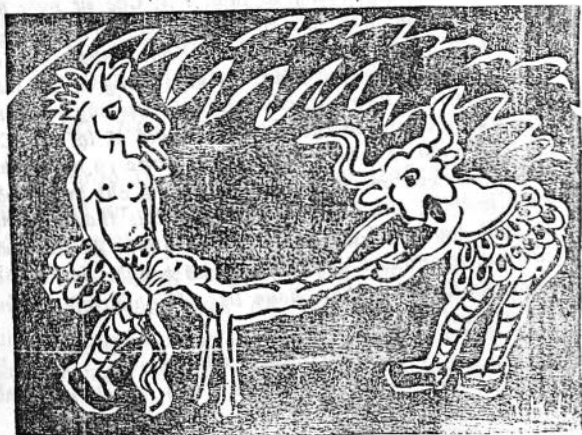
(Đoạn này đại-ý nói rõ cái tướng sinh của người ta. Vì một mỗi nghĩ sai, chân hóa ra vọng, vọng càng thêm vọng, mới tạo ra nghiệp thức. Nghiệp thức đầu thai, nhờ tinh cha huyết mẹ và khí âm-dương mà đúc nên người, là một giống khôn hơn cả muôn vật. Nhưng dù khôn đó, mà đã ở trong bào-thai mà ra đều là bị nghiệp nó sở đầy. Cho nên thánh quân hiện thân vẫn đến ngọn bút thẳng ngàn quân, võ đến đánh quen dư trăm trận ; Trai đẹp như Phan-an, gái sinh đến nghiêng thành nghiêng nước. Khoe sắc khéo tài, rút cục cũng bị luân hồi cả. Tới cái thì trai trẻ mà nói, cũng như mùa xuân, muôn vật sở sang, cỏ cây tươi tốt, cứ đua nhau mà chơi nhỡn, có biết đâu nó chỉ có một thời-gian ngắn ngủi mà thôi !

NHỊ SƠN

Nhị sơn già lão tướng già. Hình dong tiếm cải, huyết khí kì xuy. Mạo tác khô, niên tác cao, ẽ tại tiền, ngạnh tại hậu. Lục phối đan thiềm, phiến vi hạc phát kê bì ; Chúc mã ban y, phục hữu bồ luân cứu trượng. Tung sử li lâu chi mục, thị sắc nan minh

PHẬT HỌC NGỤ NGÔN CÁI THÂN NGUYÊN VẤN LÀ KHÔNG

Có một người hành-khách, đi qua một cánh đồng rộng, trời tối không có chỗ nào ngủ trọ giữa đồng có một cái lều, đành phải chui vào ngủ một đêm. Nào hay vừa đến nửa đêm, bỗng nhiên nghe thấy một tiếng hú rất quái, một con ác quỷ cũng một cái sắc người chết lại, quẳng xuống mặt đất, lại thấy một con ác quỷ nữa chạy theo, nghe rằng trợn mắt mà cướp lấy cái xác người chết. Hai con quỷ cãi nhau mãi, không giải quyết được. Con quỷ đến trước nhác trông thấy người hành khách ngủ đây, mới bảo con quỷ đến sau rằng : « Chúng ta cãi nhau mãi không có bằng cứ cũng vô ích, may nay có người nằm kia, có thể làm chứng được, vậy anh cứ hỏi hân xem coi xác người chết này là tôi vác lại hay là anh vác lại, tự khắc rõ ngay . Bây giờ người hành khách đã sợ mất vía rồi, nhưng vì con quỷ nó bắt phải nói, thì không thể không nói được mới nghĩ bụng rằng : « Mình nói thực thì bị con quỷ sau nó bắt tội; mà nói dối thì bị con quỷ trước bắt tội, áu đanh đảng nào cũng một cái chết, ta cứ nói thực là hơn . Nghĩ đoạn mới nói rằng : « Cái



xác người chết này chính chú quý trước vác lại ». Nói chưa dứt lời, con quý sau đã nổi cơn hung ác, vắn đứt ngay một cánh tay người hành-khách quẳng xuống đất. Con quý trước vội bẻ cánh tay người chết chắp vào, lại y như trước. Con quý sau lại vác một trái đu, con quý trước lại lấy đuôi cái xác chết chắp vào, cũng đúng như trước ; Con quý sau vắn đầu quẳng xuống, con quý trước lại lấy đầu cái xác chết chắp vào, lần lần con vắn đi con chắp lại đến hồi hết cả toàn thân, rồi hai con quý chia nhau những phần quẳng ra kia ăn sạch nhẵn nhụi rồi mỗi con đi một ngã...Đàng thương cho người hành-khách lúc đó thực là mơ màng « nghĩ bụng rõ ràng mình trông thấy thân thể của mình đều bị ha: con quý nó ăn hết rồi, còn cái thân thể hiện đang có đây, tịnh không có cái gì là của ta cả, vậy thì bây giờ ta còn có thân hay là không có thân nữa ». Nghĩ đi nghĩ lại nghĩ tái nghĩ hồi, chầu chọc không thể ngủ được, bắt giác trời đã sáng chưng, người hành-khách trở dậy ra về, đi qua một cái chùa, trong chùa có nhiều vị cao-tăng đại-dức trụ trì ở đấy. Người hành-khách mới lìm vào trong chùa, đem các sự đem qua bạch rõ với chư-tăng và hỏi rằng : « Như thế là có thân hay không có thân ? ». Các sư nghe nói biết người hành-khách đã có duyên tốt, đã hiểu được một đôi phần rồi mới bảo rằng : « Không phải đến ngày nay anh mới không có thân, mà anh không có cái thân đã từ bao nhiêu kiếp rồi, cho đến cái kiếp này nữa, anh cũng không làm gì có thân. Anh thử nghĩ kỹ lại coi : Cái mà anh nhận là thân anh thực kia, thực ra nó có phải là cái thân của anh đâu, chẳng qua nó chỉ là bởi bốn phần lớn đất, nước, gió, lửa hỗn hợp lại, thành ra một cái hình-lượng giả dối đó thôi, chứ có phải là cái thân của anh thực đâu ! Người hành-khách nghe nói, hiểu rõ được hết lẽ không thân, đoạn trừ hết phiền-não, hưởng thú yên vui vô cùng vô tận.

LỜI BÀN GÓP

Các Tổ xưa nói : Hữu thân hữu khổ (có thân có khổ)

rằng: Thân vi khổ bản (thân là cõi khổ) đều là thấu rõ các lẽ của Phật đã nói : « Thế-gian cái gì cũng là khổ, nào đói rét, nào ốm đau, nào chết chóc, nào tình ái, cơ man nào là khổ, nhưng đều là ngọn cỏ, duy có cái thân mới là cỏ rễ sự khổ, vì không có cái thân thì cái khổ còn bám vào đâu mà khổ được vậy. » Song, đã có cái thân làm người ở thế gian này, điều là vì kiếp trước đã gây nên nghiệp, nên kiếp này phải làm cái thân này mà chịu những quả báo trước, thì lẽ tất nhiên là phải khổ, nhưng cái khổ ấy có thể trừ sạch được, mà trừ sạch được lại là nhờ có cái thân này. Có cái thân tứ đại ngũ-uẩn này, biết xoay nghĩ biết hành động, biết lẽ chân thiết giả dối biết được đến chỗ cõi nguồn sinh ra cái thân này, bây giờ mới y theo chỗ biết đó ; dùng mãnh tinh tiến, tu hành các phép chân chính, bố-thí tri-giới nhân-nhục, tinh tiến, thuyên-định, trí tuệ, soi tỏ được cái chân tâm chân trí nguyên lai là thường trụ thường sáng, chỉ vì vô minh che lấp, nhận lầm cái thân tứ đại, ngũ uẩn giả dối, mà bỏ cái giả dối, lấy cái chân thường, ấy mới là người biết học Phật vậy.

Ai còn tham chước cái thân giả mà tự-tự tự đại xin hãy coi hai con quỷ mà nghĩ kĩ xem ? !

Một tin mừng cho Bản-báo và cho hội Phật-giáo Bắc-kỳ

Vừa được tin cụ Nguyễn-năng-Quốc Hiệp-là Đại Học-sĩ, trí sự, là Bản-báo chủ nhiệm và là Chánh Hội trưởng hội Bắc-kỳ Phật-giáo, mới được Triều đình chuẩn thăng cung hàm Thái tử Thiệu-bào.

Cứ theo trong chỉ dụ của Đức Kim thượng thì Cụ Nguyễn-năng tuy về hưu-quan đã lâu, song vẫn giữ một tiết trung thành, một niềm ưu ái,

và lại giúp ích các công việc cho xã-hội rất nhiều. Vì thế nên nay tuổi đã đến tuần cõ hy (70 tuổi), Triều-đình gia phong ban ơn ấy để tỏ tấm lòng luyện-ái một vị cụu-thần.

Vậy nhân dịp này, Bản-báo xin thay mặt đồng nhân hội Phật-giáo kính mừng Cụ Nguyễn-năng, Quốc đã được gia thăng một cách xứng đáng và chúc vọng từ nay Cụ càng mạnh-miễn tinh-tiến làm cho công cuộc chấn hưng Phật-giáo ngày thêm tấn-đạt, để khỏi phụ tấm lòng Hoàng-gia ưu đãi và dưới cho phu lòng các giáo-hữu kỳ vọng xưa nay.

XIN ĐỘC GIẢ NHỚ ĐÓN XEM

Cô con gái Phật hái dâu

Là một bộ tràng thiên Phật-hóa tiểu thuyết. Đuốc-Tuệ sẽ bắt đầu đăng từ kỳ sau. Tiểu-thuyết

« *Cô con gái Phật hái dâu* »

Tức là truyện Bà Ý-lan Phu-nhân do Đồ-nam-Tử nhà tiểu-thuyết trứ danh mới soạn, chắc độc-giả sẽ được mãn-nguyện trông thấy một cô hiếu nữ, một bà hiền-phi, một bà hiền-mẫu, một vị nhân-tử nữ-chúa, một nhà nữ Phật-học rất thâm tất cả mấy thân cùng hiền-hiện, hoạt-động trên mặt giấy, mà rút lại chỉ là một cô con gái Phật hái dâu.

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Việc lập phòng không

Tại Hải dương - Chiều hôm 25 Avril, thành phố Hải dương đã báo cho biết trước sắp có cuộc tập phòng

không. Theo trong giấy sức thì bề thấy chuồng nhà thờ báo hiệu và xe ca-mi-ông của nhà Binh chạy khắp các phố, thì các nhà phải tắt đèn, khóa cửa lại, còn người thì chạy vào những khu đã định. 1. Những phố Đông thị Tự tân và nửa phố Hàn giang chạy về khu Ngọc-uýn, do quan Giám binh chỉ huy. 2. - Những phố Đông kiều Đông quan và nửa phố Hàn giang chạy về khu Cựu thành do viên cầm trông coi. 3. - Những phố Đông mỹ, Đông Thuần chạy về khu Bình lâu, do viên Thiệu úy trông coi.

Tại Tuyên-quang — Hôm trước đã thử thi hành giới nghiêm trong phố 15 phút, kết quả mỹ mãn, đến hôm 25 Avril hồi 4 giờ rưỡi chiều các Quan binh diễn thuyết về nạn ch.ền tranh và cách phòng thủ. Quan tư Belloc tiếp nói về lãnh Tuyên quang có địa thế phòng thủ rất tốt.

Bệnh đậu mùa và bệnh sởi

Độ này Các báo đăng tin ở trong Vinh (Nghệ an) đã phát chứng đậu mùa. Còn ở vùng Nam-sách, Hải-duong thì trẻ lên sởi nhiều, có đứa năm ngoái đã lên sởi rồi mà năm nay lại lên, nhiều đứa lên nặng. vậy các nơi khác nên đề phòng. Xin phép quan trên cho giồng đậu và kiêng khem cho bệnh sởi khỏi lây rộng ra.

150 thợ sẻ nghĩ việc

Thợ sẻ ở các hiệu gỗ Hanoi mới đưa đơn xin chủ tăng công. Họ nói vì giá thực phẩm hiện nay tăng cao nhiều nên giá công làm như cũ không đủ ăn Họ xin gỗ tạp trước mỗi mạch cửa 0p,09 nay tăng là 0p.13 gỗ hồng sắc lên 0p,15 một mạch ; gỗ lát trước 0p 12 nay 0p.16 một mạch ; gỗ lim trước 0p.18 nay lên 0p20; Còn các gỗ quý đều tăng, Họ xin Quán Lao-dộng Giám đốc can thiệp, việc chưa xong nên ngày 20 Avril, có 150 thợ sẻ nghĩ việc.

Định lập một khu chứa nạn dân Tàu

Từ ngày Nhật đánh miền Hoa-nam bên Tàu, nạn dân bên ấy lánh sang Việt-nam ngày càng đông, mà người

ta hay ở tại mấy thành-phố lớn như ở Bắc-kỳ thì chỉ ở Hanoi và Haiphong. Vì thế giá thực-phẩm và giá nhà ở ngày càng cao vọt lên. Bão hộ và tiếp nhận cho nạn dân nước láng giềng trong khi tai biến binh-đạo, cố nhiên là một nhân-đạo, song nếu khách dân thốt nhiên kéo tới mà tụ-hợp lại cả một chỗ, thế tất nhà ở chen chúc, đồ ăn thiếu thốn, bọn tư-bản đầu-cơ bắt chẹt, mà chủ dân bị khốn đốn lây nhất là phái chủ dân nghèo. Vì thế Chính phủ phải lập những Hội-đồng định giá thực phẩm, định cách hạn chế tăng tiền nhà, nhưng cũng ít công hiệu. Và, những người Tàu lánh nạn cũng nhiều người sảo thói cứ giả vọt tăng tiền nhà để tranh lấy chỗ ở tiện lợi hơn. Kỳ Hội-đồng định giá thực phẩm vừa đây, bên Hội-viện Nam muốn Chính-phủ xét nạn dân Tàu ai đói ở lại làm ăn thì sẽ cho ở Hanoi, Haiphong. Còn ai lánh tạm trong thời biến-tranh thì cho đi ở các tỉnh nhỏ, như thế sẽ san sẻ đi, sự sinh hoạt không thành cảnh lộn. Bên Hội-viện Pháp cũng hiểu đồng tình như vậy và nói cách xếp đặt ráo riết hơn. Các ông nên : lấy mấy tỉnh nhỏ lập làm vài ba khu gọi là khu chứa nạn dân, cũng như bên Pháp vừa mới đối với nạn dân Tây-ban-nha. Khi có người Tàu nào mới sang, Chính-phủ muốn cho ngụ ở khu nào thì cho ngay đến khu ấy. Làm như vậy tránh được sự kiểm-xát lời-thói vì có nhiều nạn dân muốn ở Hanoi, Haiphong, họ sẽ khai bừa đi là ở để buôn bán.

Những ý-kiến ấy, Hội-đồng đã ghi vào biên bản để trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ.

VIỆC THỢ-GIỚI

Lễ thợ Hiller

Cũng là một cái lễ thợ, lễ thợ ở Việt-nam, từ già đến trẻ, từ sang đến hèn, phạm tuổi tới từ 50, 55, 60, 70, 80 vân vân, là phần nhiều theo lệ giở ra làm tiệc thợ kiếm vài con heo, mấy chai rượu cồn, dấm riệu

thuộc phiện đề ăn mừng tuổi trời, tạ ân tiên-tổ, toàn-minh đã ch sống sót, các ông đồ sẽ tuôn ra rông rông những bức trường, những câu đối sáo mếp tán dương, nào thọ-diệu, nào gia khương, nào nhiều con làm cháu, nào nhiều vợ, nào hào môn, nào khoa-hoạn. Thế rồi từ đó yên bề lão quyện, hú hí với con cháu, việc đời gác bỏ ngoài tai. Nhà khá giả sẽ sắm cỗ thọ đường hậu-sự xây cái sinh phần để chờ chết. Ma thử kiểm-điểm lại sự nghiệp thừa tráo niên thì nào đã có chút gì đáng nhớ, chính cho trong nhà cũng vậy, còn nói chi đến xã-hội, quốc gia. Cái chí khí của người mình nó bé nhỏ, hẹp hòi ở đó. Nay bỗng nghe thấy một nhà chúa tể nước Đức hiện đang làm cho thế-giới kinh-hoàng, cho dân nước cường thịnh, cũng lên lão ngũ tuần. Nhưng xin các bạn lão, nhằng-nhằng, nhớ nhớ ở đây, đừng vội vin làm lệ mà nói rằng: « Đứa người Thái-tây cũng lên lão nữa là ta ». Phải biết cái lễ thọ ông Hitler này khác. Lễ thọ trá hình, mượn cơ làm lễ thọ để gặp đại biểu các nước thân thiện phe mình mà tính việc thiếu-hạ. Vả ông này cũng chẳng phải làm lễ thọ ấy rồi mà đã vội cáo từ việc đời. Cũng như mượn tiếng tập trận hồi năm ngoài để kéo quân sang Tiệp-koắc, lễ thọ này cũng vậy mượn cơ để họp bạn liên-minh. Thì ta thử xem lễ thọ ấy đã cử-hành. — Về phần dân Đức, khắp thành phố treo tượng Hitler, kết hoa treo cờ, thành một cái rừng hoa lá. Họ ca-tụng vị chúa tể Hitler của họ từ năm năm lại đây làm cho các nước dân-chủ phải e sợ vì ông có thể chiếm cả thế-giới. Nay một « bức tượng » mừng thọ nhưng đọc ở máy vô-tuyến điện chứ không thêu vào vóc như ta. Viện Tổng-trưởng Tuyên-truyền là Bác-sĩ Goebdel tán Hitler rằng: « Người ta không thể tưởng tượng thế giới hiện thời lại không có vị chúa tể Hitler. Ngài đã có công khôi phục lại nước Đức, có công hủy bản hòa ước Versailles khiến cho các nước dân-chủ phải đeo gai. Nay dân tộc Đức đã

mở máy mở mặt, chiêm được một địa-vị trên hoàn cầu... » Về phần các nước bạn. Có 110 đại biểu của 23 nước tới chúc thọ, họ kéo đến theo thứ tự trong hai ngày. Những nước là : Bỉ, Bolivie, Brésil, Bulgarie, Dan-mach, Phần-lan, Hy-lạp, Anh, Ý, Nhật, Nam-tur-lap-phu, Lettonie, Lituanie, Hòa-lan, Na-uy, Bồ-đào-nha, Lỗ-mã-ni, Thụy-điền, Xiêm-la, Tây-ban-nha, Thổ-nhĩ-kỳ, Hung-gia-lợi và Slovaquie. Trên ấy có Brésil về châu Mỹ, Nhật và Xiêm về châu Á, còn về Âu cả. Có tin nói đại biểu Anh có đến dự lễ thọ mà không phải chính thức. Không biết lời ấy có thực không. Nếu thực, đến ăn đám mà không phải là chính thức, thì chiều lễ ta, đại biểu Anh có lẽ không được phần bánh chưng, bánh dày và thịt bò thui. Lại còn bữa tiệc cũng mừng thọ Hitler do Bộ-đốc thủy-sư Đức là Roeder đãi các Đại tướng thủy-quân các nước Ý, Tây-ban-nha, Đan-mach, Nam-tur-lap-phu, Thụy-điền và Bảo, cũng là bữa tiệc ít có xưa nay

Một cai lễ mừng thọ Hitler

Vào ngày 19 Avril, vẫn việc mừng thọ Hitler, Ba-lan đã cùng Đức ký bản hiệp ước trao trả cho Đức thành phố Dantzig gọi là một chút kỷ niệm mừng lễ thọ ngũ tuần ông họ Hit.

— Lỗ-mã-ni thì có tin cũng hôm 19 Avril, sự giả nước ấy là Gafecuc sau khi đánh chén cỗ thọ với Ngoại-giao Tổng trưởng Đức là Ribentrop đã cùng nhau ký xong bản Hiệp-ước thông-thương Đức-Lỗ. Ký xong vào yết kiến họ Hit, ông này lúc về như tục ta chắc chủ biểu mấy gánh phần bánh thịt.

Tàu buôn tránh Địa-trung-hải

Trong tiệc họ Hit đang vui vẻ linh đình như thế, mà ngoại thì các nước Âu châu vẫn phòng bị mê toi Tin 16 Avril ở New-York, các tàu buôn đáng lẽ phải đi qua Địa-trung-hải để sang viễn đông, từ nay sẽ đi qua Bonne Espérance (Hỏa-vọng-giác) ở Nam-phi vì tiền bảo-hiểm chiến tranh trên mặt bể lên cao quá nên người ta đành phải đi đường xa xôi ra ước non 2 tháng.

KINH KIM CƯƠNG

BÁT NHẢ BA LA MẬT

Xin cảm ơn các giáo hữu sẵn lòng bộ pháp, jêu quý Kim-cương nhiệt liệt quá, cho nên Kinh vừa in ra đã hết cả. Chúng tôi thực bội phần cảm kích. Nay tiếp được nhiều thư các ngài gửi thỉnh mà hết cả, thực là phụ lòng các giáo hữu nhiều quá. Vậy xin ngài nào muốn thỉnh nữa thì cứ viết thư về trước, khi tài bản xong, chúng tôi xin gửi hầu ngay, giá tính như sau này: Bản chữ nhỏ quốc ngữ đôi chiều để tụng giá 0\$20. Bản có cả giảng rghta 0\$50.

Thư và mandat xin gửi cho M. Nguyễn-hữu-Kha N° 73 Richard Hanoi.

TIN CÁC HỘI VIÊN QUÁ CỠ

Sư Cụ Thanh-Hành, trụ trì chùa làng Tân-phong, phủ Quảng-Oai, Sơn-tây, viên tịch ngày 17-2-39.

Mme Lê thị Thuý, 170 ngõ chợ Khâm-thiên Hanoi, tạ thế ngày 26-3-39.

M. Văn Ngôi, hội-viên chi hội Phật-giáo Bảo-lộc (Sơn-tây) viên tịch ngày 17 tháng 2 năm Kỷ-mão.

M. Cao Văn Nhân, xã Tùng-phieu, Sơn-tây viên tịch ngày 10-2-39.

M. Khuất-hữu-Đệi, Phó Đại-biêu chi hội Phật-giáo Bách-lộc (Sơn-tây) viên tịch ngày

Mme Bùi-thị-Trí, 6 Hàng giấy Hanoi, viên tịch ngày 9 tháng giêng, năm Kỷ-mão.

Mme Trần-thị-Hiến ở Nam-sách Haiduong, viên tịch ngày 16 tháng trời ta năm Mậu-dần.

Mme Nguyễn-thị-Thái ở sơn tây viên tịch ngày mồng 8 tháng một ta năm Mậu-dần.

Mme Nguyễn-thị-Phu ở xã Bách-lộc Sơn-tây viên tịch ngày 5 Février 1939.

Mme Nguyễn thị Giu, 62 Rue Blockousncrd Hanoi viên tịch ngày 17-2-39.

M. Hà lễ Hưng, 75 phố n ở Hanoi viên tịch ngày 19-3-39.

HỢP THƠ

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuế bằng Mandat)

M. M. Nguyễn văn Trọng Trà vinh (76-122)	3\$00
Trần Thúc Cáp, Phú thọ (53-105)	3.00
Lê văn Tiếng, Vĩnh long (10-122)	1.50
Nguyễn bảo Yên, Biên-hòa (10-122)	1.50
Vũ Vạng, Nam định (83-106)	1.50
Nguyễn văn Hội, Trà vinh (1-92)	3.00
Nguyễn quan Chiêu, Châu đốc (76-122)	3.30
Melle Đào thi Mừng, Huế (80-105)	1.50
M. M. Sáu Tĩnh, Bokor (53-92)	2.00
Nguyễn văn Tinh, Long xuyên (100-122)	1.50
Trương Mão, Phan thiết (33-76)	1.50
Sa-môn Đạt Thiên, Sóc-trang (100-122)	1.50

Xin cảm ơn các vị đã trả tiền báo bằng Mandat, còn vị nào chưa trả xin trả nốt cho cảm ơn. Đ. T.

BAN BÁO MỚI NHẬN ĐƯỢC :

Mille problèmes của nhà sách Nam-kỳ số 17 Boulevard Francis Garnier Hanoi gửi tặng giá bán 0\$60. Sách in lại lần thứ hai.

Tiếng chuông đạo Phát của ngài trí tuệ chùa Bà-la-mật Huế gửi tặng giá bán 0\$10.

Xin cảm ơn tác giả và giới thiệu cùng đọc giả. Đ. T.

CAI CHÍNH

Trang 36 số 6 vì thơ in dật nhâm bát chữ Nho, vậy kỳ sau xin in lại bát khác cho đúng.

GIẤY NƠI

Số 836 : Cu Chánh Hội-trưởng, Thái hà ấp

Số 832 : Nhà in Đ. T. chùa Quán-sứ, số 73 Richard Hanoi

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản lý CUNG ĐÌNH BÌNH